TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU
PHẬT HỌC
CƠ QUAN NGÔN LUẬN CỦA TRUNG ƯƠNG GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
ISSN: 2734-9195

Tại gia & Xuất gia Bồ tát trong giáo thuyết Phật giáo (Phần 1)

ISSN: 2734-9195 13:55 06/11/2024

Bồ tát đạo dạy tu hành theo Lục độ Ba la mật để tự giác và giác tha (nhị lợi: tự lợi lợi tha). Mục đích chính là cứu độ chúng sinh và thành Phật quả. Vì mục đích của Bồ tát thừa là đạt tới Phật tính tối thượng.

Trong giáo thuyết Phật giáo, Bồ tát là một chúng sinh giác ngộ và nguyện chỉ đạt được đại giác một khi cứu độ hết thảy chúng sinh. Bồ Tát được xem như là một con người cũng với nghiệp của chính mình ở cõi đời này như những người khác, nhưng vị Bồ tát bằng chính sự nỗ lực của mình, không phụ thuộc vào những yếu tố bên ngoài, tu tập theo phương pháp cụ thể và thực tế để vượt qua những xung đột bên trong chính mình bao gồm những nghiệp xấu và những khổ đau, cũng như những khủng hoảng bên ngoài như môi trường, tai họa... để có thể thay đổi trạng thái mất thăng bằng và để tất cả cùng sống với nhau trong một thế giới bình an, thịnh vượng và hạnh phúc.

Bồ tát đạo dạy tu hành theo Lục độ Ba la mật để tự giác và giác tha (nhị lợi: tự lợi lợi tha). Mục đích chính là cứu độ chúng sinh và thành Phật quả. Vì mục đích của Bồ tát thừa là đạt tới Phật tính tối thượng. Nói cách khác, mục đích của một vị Bồ tát là tự lợi, lợi tha, giác hạnh viên mãn; và thượng cầu Phật đạo, hạ hóa chúng sinh.

Theo Phật giáo, Bồ tát là người có ước vọng thành Phật và cũng là người hết lòng giúp đỡ người khác đạt được sự cứu độ. Những con người đầy lòng bi mẫn này được đề cao trong trường phái Đại Thừa; thật vậy, nét đặc trưng nổi bật nhất của Phật giáo Đại Thừa có thể là sự ủng hộ Bồ tát Thừa như con đường giải thoát. Vị Bồ Tát đi theo con đường dài và gian khổ thường được mô tả có 10 giai đoạn (thập địa) và trải qua nhiều kiếp sống, cuối cùng vị này đạt được Phật quả.

Bồ tát không bao giờ được xem như là chư thiên hay thần thánh, hoặc một thực thể vĩnh viễn để thờ phụng. Nói về ý tưởng Bồ tát, có lẽ đây chỉ là một tính chất tượng trưng của Phật pháp được các vị tổ sáng suốt tạo ra sau khi đức Phật đã nhập diệt, nhằm thích ứng Phật giáo với những hoàn cảnh đặc biệt mà thôi.

Khái niệm Bồ tát đạo xuất hiện trong cả Phật giáo Nguyên Thủy lẫn Phật giáo Đại Thừa. Vì vậy ý tưởng Bồ tát đạo trong Phật giáo Đại Thừa không xa lạ với truyền thống Nguyên Thủy. Bồ tát luôn tu tập theo "*Bồ Đề Tâm*," "*Lục Độ Ba La Mật*," "*Tứ Nhiếp Pháp*," và "*Tứ Vô Lượng Tâm*." Đặc biệt nhất là "*Tứ Vô Lượng Tâm*" vì bốn đức hạnh này không đứng riêng rẽ hoặc rời rạc nhau, trong đó lòng "*Bi*" có thể được coi là trung tâm, vì "*Bi*" là nền tảng của "*Từ*" tượng trưng cho tình thương, sự kính trọng và lòng quan tâm đến chúng sinh mọi loài.

Đối với Phật tử, mỗi đức Phật đều đã từng nguyện làm một Bồ tát trong một thời gian lâu dài trước khi giác ngộ. Nhưng tại sao Bồ tát lại nguyện như vậy? Tại sao Ngài lại muốn đảm nhận một công việc không có ngằn mé như vậy? Vì lợi ích cho những kẻ khác, vì Ngài muốn cứu vớt chúng sinh ra khỏi cơn đại hồng thủy của khổ đau phiền não. Nhưng rồi đâu là lợi ích cá nhân mà Ngài tìm thấy trong lợi ích của chúng sinh? Đối với một vị Bồ tát, lợi ích của chúng sinh chính là lợi ích cá nhân của Ngài, bởi vì Ngài muốn như vậy. Ai có thể tin được điều đó? Thực tình chỉ có những kẻ khô cạn hết lòng thương, những kẻ chỉ nghĩ đến mình, thì thấy khó tin được lòng vị tha của Bồ tát. Nhưng những người có từ tâm thì có thể tin nó một cách dễ dàng. Nói tóm lại, Bồ Tát là một bậc giác giả trong hàng các chúng sinh. Vị ấy thường lập nguyện đem sự giác ngộ và trí tuệ mà mình đã mở bày ra nhằm giác ngộ tất cả các chúng sinh khác. Công việc của một vị Bồ Tát không dễ chút nào cả. Tuy không hy hữu như một vị Phật, nhưng cũng thật khó để có một vị Bồ tát thị hiện và cũng thật khó cho phàm phu (người thường) gặp được một vị Bồ tát thật.

Bài viết có tựa đề "*Tại gia & Xuất gia Bồ tát*" này không phải là một nghiên cứu thâm sâu về giáo lý nhà Phật, mà nó chỉ đơn thuần vạch ra hạnh nguyện và con đường tu tập của chư Bồ tát cho hai chúng Phật tử tại gia và xuất gia chúng ta noi theo. Phật tử thuần thành nên luôn nhớ rằng mục đích của người tu Phật là tự giác, nghĩa là tự giác hay tự quán sát bằng cái trí của chính mình chứ không dựa vào kẻ khác; giác tha (sau khi tự mình đã giác ngộ lại thuyết pháp để giác ngộ cho người khác, khiến họ được khai ngộ và giúp họ rời bỏ mọi mê lầm và khổ não trong vòng luân hồi) rồi cuối cùng mới đi đến giác hạnh viên mãn, thoát ra khỏi vòng luân hồi sinh tử, đó chính là Niết Bàn đạt được ngay trong kiếp này. Cuộc hành trình từ người lên Phật còn đòi hỏi nhiều cố gắng và hiểu biết liên tục. Chính vì thế mà mặc dù hiện tại đã có quá nhiều bài viết về Phật giáo, tôi cũng mạo muội biên soạn bài viết ngắn có nhan đề "*Tại gia & Xuất gia Bồ Tát*" song ngữ Việt Anh nhằm phổ biến giáo lý nhà Phật cho Phật tử ở mọi trình độ, đặc biệt là những người sơ cơ. Những mong sự đóng góp nhoi này sẽ mang lại lợi lạc cho những ai mong cầu có được cuộc sống an bình, tỉnh thức và hạnh phúc.



Ảnh minh hoạ (sưu tầm)

A. Sơ lược về Bồ tát trong giáo thuyết Phật giáo

Nguồn gốc của lý tưởng Bồ tát:

Đạo Phật không bao giờ tự tách mình ra khỏi đời sống thế tục. Ngược lại, đức Phật luôn nhắc nhở tứ chúng, Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, ưu bà tắc và ưu bà di, luôn sống đời cao đẹp đúng nghĩa nhất, luôn thụ hưởng những phần lợi lạc nhất trong đời. Tuy nhiên, những phần lợi lạc trong đời sống theo đạo Phật không nên được hiểu là khoái lạc vật chất, mà là hạnh phúc thanh thản và

an vui trong tinh thần. Phật tử thuần thành nên luôn nhớ rằng quả thật chúng ta phải nghiên cứu giáo lý nhà Phật, nhưng việc chính yếu ở đây là chúng ta phải hằng sống với những giáo lý ấy trong cuộc sống hằng ngày của chúng ta. Làm được như vậy, chúng ta đang thực sự là đệ tử của đạo Phật sống, ví bằng ngược lại, chúng ta chỉ ôm cái xác của đạo Phật chết mà thôi.

Theo Kinh Hoa Nghiêm, có hai sắc thái của đời sống Phật tử. Mọi người đều hy vọng rằng một ngày nào đó những ước nguyện của họ sẽ được thành tựu. Hy vọng tự nó không có gì sai trái vì hy vọng giúp con người cố gắng vươn lên tới những hoàn cảnh tốt đẹp hơn. Đối với người Phật tử, một cuộc sống xứng đáng, theo quan điểm của Phật giáo Đại Thừa, không phải là chỉ trải qua một cuộc sống bình an, tĩnh lặng mà chính là sự sáng tạo một cái gì tốt đẹp. Khi một người nỗ lực trở thành một người tốt hơn do tu tập thì sự tận lực này là sự sáng tạo về điều tốt. Khi người ấy làm điều gì lợi ích của người khác thì đây là sự sáng tạo một tiêu chuẩn cao hơn của sự thiện lành. Các nghệ thuật là sự sáng tạo về cái đẹp, và tất cả các nghiệp vụ lương thiện đều là sự sáng tạo nhiều loại năng lực có ích lợi cho xã hội. Sự sáng tạo chắc chắn cũng mang theo với nó sự đau khổ, khó khăn. Tuy nhiên, người ta nhận thấy cuộc đời đáng sống khi người ta nỗ lực vì điều gì thiện lành. Một người nỗ lực để trở nên một người tốt hơn một chút và làm lợi ích cho người khác nhiều hơn một chút, nhờ sự nỗ lực tích cực như thế chúng ta có thể cảm thấy niềm vui sâu xa trong đời người.

Chính vì vậy mà khoảng 200 hay 300 năm sau khi đức Phật nhập diệt, một lý tưởng Phật giáo mới bắt đầu vươn lên. Không hài lòng với mục đích giới hạn của một vị A La Hán, cách nhìn mới này nhấn mạnh đến một vị Bồ tát như là nguyện vọng cao nhất cho tất cả mọi người. Bồ tát là người có ước vọng thành Phật và cũng là người hết lòng giúp đỡ người khác đạt được sự cứu độ. Những con người đầy lòng bi mẫn này được đề cao trong trường phái Đại Thừa; thật vậy, nét đặc trưng nổi bật nhất của Phật giáo Đại Thừa có thể là sự ủng hộ Bồ tát Thừa như con đường giải thoát. Vị Bồ Tát đi theo con đường dài và gian khổ thường được mô tả có 10 giai đoạn (thập địa) và trải qua nhiều kiếp sống, cuối cùng vị này đạt được Phật quả. Như vậy Đại Thừa có thể coi như là một trường phái của các vị Bồ Tát, ở những giai đoạn khác nhau trên con đường, như là sự can thiệp vào cuộc sống của con người.

Ví dụ, một vị Bồ tát có thể tạo nên "*những vùng đất Phật*" mà con người có thể ước nguyện được tái sinh nhờ lòng thành mộ đạo và đức tin chính trực. Khái niệm Bồ tát có khi được kết hợp với giáo lý "*Tam Thân*" của đức Phật. Thuyết này cho rằng hình thức tối cao của tính Phật là bản chất thật của vạn vật, là Pháp thân. Pháp thân được thể hiện bằng cách tiến đến hai thân khác: Thân Hưởng Thụ, một hình thức vi tế mà những người tiến bộ trên con đường mới có

thể nhận thức, và Biến Thân, một hình thức vật lý rõ ràng đối với tất cả mọi người.

Theo sự sắp xếp này, đức Cồ Đàm chỉ là một sự Biến Thân của Tính Phật tối cao. Những vị Bồ tát khác, những Hưởng Thụ Thân có thể truyền dạy giáo pháp và xen ở giữa sự biến thân và hiện thân. Các vị Bồ Tát quan trọng của của Đại Thừa gồm có Quán Thế Âm, Văn Thù Sư Lợi, người hiện thân của trí tuệ tối cao và thường được tượng trưng cầm một thanh gươm, ngài dùng nó để phá vỡ bức màn vô minh; Bồ Tát Di Lặc hay Từ Thị, sẽ là vị Phật trong tương lai, sau khi đạt thành Phật quả, ngài sẽ chuyển Biến Thân để truyền bá giáo pháp ở thế gian.

Một số vị thầy cao cả khác đôi khi được xem như các vị Bồ tát, hay sự tái sinh của họ. Một trong những vị này là ngài Long Thọ, ngài là viện trưởng viện Đại Học Na Lan Đà vào thế kỷ thứ 2 sau Tây lịch. Long Thọ được xem như là người sáng lập ra tông phái Trung Quán, một trường phái triết học Phật giáo hoạt động trong nền Phật giáo Ấn Độ. Trường phái Trung Quán có ảnh hưởng lớn lao đến một vài truyền thống Phật giáo ở Nhật, chẳng hạn như Thiền tông, và ngày nay nó vẫn còn hưng thịnh ở Tây Tạng. Trong ngôn ngữ Tây Tạng, danh từ Bồ tát được dịch là *"Đấng Trượng Phu*."

Phẩm chất trượng phu của một vị Bồ Tát được nêu ra trong Kinh Bát Nhã Ba La Mật Đa như sau: "*Giả sử có một đấng trượng phu với những thành tựu vĩ đại ra khỏi nhà với cha, mẹ, các con trai, và các con gái. Rồi gặp phải trạng huống đi lạc vào một cánh rừng hoang bao la. Người thiếu khôn ngoan trong nhóm họ sẽ hoảng sợ kinh khiếp. Nhưng người anh hùng nói với họ là đừng sợ hãi 'Đừng sợ! Tôi sắp đưa các người ra khỏi cánh rừng hoang kinh khủng này một cách yên ổn.'*

Vì không sợ hãi, dũng mãnh, dịu dàng rất mực, bi mẫn, can trường và đầy sức mạnh, ý nghĩ tìm cách ra khỏi rừng một mình và bỏ lại những người thân không bao giờ có với vị ấy. Trái lại với A La Hán, Phật giáo Đại Thừa chủ trương rằng chúng ta phải mang tất cả chúng sinh để cùng đi với chúng ta trên đường giác ngộ, chúng ta không được bỏ rơi chúng sinh, vì tất cả chúng sinh cũng gần chúng ta như những người thân của chúng ta vậy. Cái mà một người nên làm là không nên phân biệt giữa mình và những người khác, và phải giúp đỡ cho người khác vào Niết Bàn trước khi tự mình đi vào trong đó. Như vậy Phật giáo Đại Thừa cho rằng A La Hán có mục đích chưa đủ cao.

Theo Phật giáo Đại Thừa, một con người lý tưởng, mục đích nỗ lực của Phật tử không phải là trở thành một vị A La Hán tự kỷ, lạnh lùng với đầu óc hẹp hòi, mà phải là một vị Bồ Tát có lòng bi mẫn, vị từ bỏ trần tục, nhưng không bỏ rơi chúng sinh ở đó. Với vị A La Hán thì trí tuệ được dạy là đức tính cao cả nhất, và

từ bi chỉ là đức tính phụ mà thôi; nhưng với một vị Bồ Tát, từ bi đã vươn lên ngang hàng với trí tuệ. Trong khi trí tuệ của một vị A La Hán mang lại thành quả giải thoát cho chính vị ấy, nhưng lại khô cằn trên phương diện và trong phương tiện giúp đỡ người khác. Bồ Tát là người không những tự giải thoát, nhưng còn khéo léo trong cách mang lại mầm mống tiềm ẩn của chủng tử Bồ Đề nơi người khác nữa.

Theo Kinh Bát Nhã Ba La Mật Đa, đức Phật dạy: *"Người làm những việc khó làm là chư Bồ Tát, những đấng trượng phu đã đạt giác ngộ tối thượng. Chư vị không muốn đạt Niết Bàn. Ngược lại, chư vị lại chịu kinh qua những khổ đau vô vàn của trần thế mà không kinh sợ trước sinh tử. Chư vị lên đường vì lợi lạc và an vui của trần thế, vì thương xót trần thế. Chư vị thệ nguyện: 'Chúng tôi quyết làm nơi an trú cho cả trần thế, nơi cho chúng sinh về nương, nơi an nghỉ cho trần gian, là niềm tin tối hậu của mọi người, là hải đảo, là ánh sáng, là người hướng dẫn, và là phương tiện cứu khổ chúng sinh.*"

Theo Phật giáo Đại Thừa, lý tưởng Bồ Tát một phần do áp lực xã hội trên Giáo hội, nhưng phần lớn lý tưởng này liên kết với sự tu tập những "*Vô Lượng*" đã huấn luyện chư Tăng không được biện biệt mình với người khác. Như chúng ta đã thấy, Phật giáo có hai phương pháp nhằm giảm thiểu cảm thức chia ly nơi những cá nhân. Một là sự vun xới những cảm xúc xã hội, hay những tình cảm như từ và bi. Phương pháp kia bao gồm việc thủ đắc thói quen xem tất cả những điều người ta nghỉ, cảm hay làm như một hỗ tương tác dụng của những sức mạnh vô ngã, gọi là pháp, từ từ tháo gỡ những ý tưởng như '*tôi*' hay '*của tôi* ' hay '*ngã*.' Có sự mâu thuẫn giữa phương pháp trí tuệ, tức là phương pháp không cần thấy đến người nào cả, nhưng chỉ biết có vạn pháp, và phương pháp của "*Vô Lượng*" (hay tứ vô lượng tâm-từ-bi-hỷ-xả), mục đích vun xới những liên đới với những người được xem như những cá nhân.

Sự tu tập thiền định trên các pháp làm tiêu tan tha nhân cũng như tự ngã trong một hợp khối của những pháp vô ngã và nhất thời. Nó làm giảm thiểu nhân tính của chúng ta thành 5 nhóm, thêm vào đó một thứ nhãn hiệu. Nếu trên trần gian này chẳng có gì ngoài những bó Pháp, nguội lạnh, vô ngã như những nguyên tử thành hoại trong chớp mắt, không có cái gì là từ bi tác dụng lên cả. Người ta không thể ao ước điều tốt lành cho Pháp, cũng như người ta không thể thương xót một cái gọi là Pháp, gọi là '*pháp giới*' hay một; nhãn căn,' hay một 'nhĩ thức giới.'

Trong những đoàn thể Phật giáo nơi người ta tu tập phương pháp của các Pháp rộng rãi hơn những '*Vô lượng tâm*,' sẽ dẫn tới sự khô khan tâm trí nào đó, tới sự xa cách, và thiếu hơi ấm nhân loại. Nhiệm vụ của Phật tử là thi hành cả hai

phương pháp mâu thuẫn một lượt. Cũng như phương pháp của các pháp dẫn tới sự mâu thuẫn vô biên của tự ngã, bởi vì tất cả đều trở nên trống rỗng vì nó, cũng thế phương pháp của các 'vô lượng tâm' đưa tới sự trải rộng vô biên của tự ngã, bởi vì người ta ngày càng đồng hóa với chúng sinh. Cũng như phương pháp của trí tuệ chứng minh ý tưởng rằng không có bất cứ một cá nhân nào trên trần gian cả, cũng vậy phương pháp của '*Vô Lượng*' lại mở rộng ý thức về những vấn đề cá nhân ngày càng liên quan tới nhiều người hơn nữa.

Vậy Phật giáo Đại Thừa làm cách nào để giải quyết mối mâu thuẫn này? Những triết gia Phật giáo khác với những triết gia được nuôi dưỡng trong truyền thống Aristote ở chỗ họ không sợ, trái lại họ rất thích mâu thuẫn. Họ đề cập tới mâu thuẫn này, hay những mâu thuẫn khác, bằng cách chỉ phát biểu nó trong một hình thức ương ngạnh và rồi họ để nó ở đó. Theo Kinh Kim Cang: "*Này Tu Bồ Đề! Một vị Bồ Tát phải nghĩ rằng, 'Có bao nhiêu chúng sinh trong vũ trụ này, dầu họ thuộc loài noãn sinh, thai sinh, thấp sinh hay hóa sinh; dầu họ thuộc loài có sắc, hay không sắc; dầu họ thuộc loài có tri giác, hay không có tri giác, cho đến bất cứ chúng sinh nào trong vũ trụ mà mình có thể quan niệm được, tất cả đều phải được ta dẫn vào Niết Bàn, vào trong cảnh giới Niết Bàn không để lại chút dấu tích gì. Và mặc dù vô lượng chúng sinh đã được dẫn đến Niết Bàn như vậy, không có một chúng sinh nào được dẫn tới Niết Bàn cả. Tại sao vậy? Nếu một vị Bồ Tát còn thấy có 'chúng sinh,' Bồ tát đã không được gọi là người giác ngộ.*"

Nói tóm lại, lý tưởng Bồ tát bắt nguồn từ Phật giáo Đại Thừa, nhưng từ Bồ tát không chỉ hạn hẹp trong Phật giáo Đại Thừa. Theo truyền thống Theravada, thì đức Phật Thích Ca Mâu Ni được coi như một vị Bồ tát (Đại Sĩ) trong những tiền kiếp trong Kinh Bổn Sinh, trong suốt những tiền kiếp đó, người ta nói Ngài đã từ từ kiện toàn phẩm chất của một vị Phật. Tuy nhiên, trong Phật giáo Đại Thừa, khái niệm Bồ tát là một sự chối bỏ rõ ràng lý tưởng A La Hán của Phật giáo Nguyên Thủy. Trong Đại Thừa A La Hán được xem như là hạn hẹp và ích kỷ, chỉ lo cho cho cá nhân giải thoát, ngược lại với một vị Bồ tát, người làm việc cật lực vì chúng sinh mọi loài. Bắt đầu cuộc hành hoạt của một vị Bồ tát được đánh dấu bằng "*phát tâm giác ngộ*" hay "*Bồ Đề Tâm*," trong đó Bồ tát nguyện thành Phật để làm lợi lạc chúng sinh.

Trong kinh văn Đại Thừa, việc này thường theo sau một nghi lễ công khai nguyện đạt thành Phật quả để làm lợi lạc chúng sinh. Có nghĩa là: "*Thượng cầu Phật đạo, hạ hóa chúng sinh.*" Đây là một trong những đại nguyện của một vị Bồ tát. Sau đó thì vị Bồ tát theo đuổi mục tiêu Phật quả bằng cách tiến tu từ Lục Ba La Mật hay Thập Ba La Mật: bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, vân vân. Hai phẩm chất chính trong đó vị Bồ tát tu tập là từ bi và trí tuệ, và khi

mà các Ba La Mật đã được tu tập kiện toàn, và từ bi cũng như trí tuệ đã được phát triển đến mức độ cao nhất, thì vị Bồ tát trở thành một vị Phật.



Sưu tầm

Bồ tát là những ai?

Bồ tát, một chúng sinh giác ngộ, và nguyện chỉ đạt được đại giác một khi cứu độ hết thảy chúng sinh. Từ Bắc Phạn có nghĩa là "*Hữu tình giác*," hay "*một chúng sinh giác ngộ,*" hay "*một chúng sinh mà bản chất là trí tuệ*" hay "*một chúng sinh khao khát giác ngộ.*" Như vậy, Bồ Tát được xem như là một con người cũng với nghiệp của chính mình ở cõi đời này như những người khác,

nhưng vị Bồ tát bằng chính sự nỗ lực của mình, không phụ thuộc vào những yếu tố bên ngoài, tu tập theo phương pháp cụ thể và thực tế để vượt qua những xung đột bên trong chính mình bao gồm những nghiệp xấu và những khổ đau, cũng như những khủng hoảng bên ngoài như môi trường, tai họa... để có thể thay đổi trạng thái mất thăng bằng và để tất cả cùng sống với nhau trong một thế giới bình an, thịnh vượng và hạnh phúc. Đây là lý tưởng của Phật giáo Đại Thừa.

Bắt đầu cuộc hành hoạt của một vị Bồ tát được đánh dấu bằng *"phát tâm giác ngộ"* hay "*Bồ Đề Tâm*," trong đó Bồ tát nguyện thành Phật để làm lợi lạc chúng sinh. Trong kinh văn Đại Thừa, việc này thường theo sau một nghi lễ công khai nguyện đạt thành Phật quả để làm lợi lạc chúng sinh. Có nghĩa là: "*Thượng cầu Phật đạo, hạ hóa chúng sinh*." Đây là một trong những đại nguyện của một vị Bồ Tát. Sau đó thì vị Bồ Tát theo đuổi mục tiêu Phật quả bằng cách tiến tu từ từ Lục Ba La Mật hay Thập Ba La Mật: bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, vân vân.

Hai phẩm chất chính trong đó vị Bồ tát tu tập là từ bi và trí tuệ, và khi mà các Ba La Mật đã được tu tập kiện toàn, và từ bi cũng như trí tuệ đã được phát triển đến mức độ cao nhất, thì vị Bồ tát trở thành một vị Phật. Bồ tát đạo thường được chia làm 10 giai đoạn. Tuy nhiên từ Bồ tát chỉ hạn hẹp trong Phật giáo Đại Thừa. Theo truyền thống Theravada, thì đức Phật Thích Ca Mâu Ni được coi như một vị Bồ Tát (Đại Sĩ) trong những tiền kiếp trong Kinh Bổn Sinh, trong suốt những tiền kiếp đó, người ta nói Ngài đã từ từ kiện toàn phẩm chất của một vị Phật. Tuy nhiên, trong Phật giáo Đại Thừa, khái niệm Bồ tát là một sự chối bỏ rõ ràng lý tưởng A La Hán của Phật giáo Nguyên Thủy. Trong Đại Thừa A La Hán được xem như là hạn hẹp và ích kỷ, chỉ lo cho cho cá nhân giải thoát, ngược lại với một vị Bồ Tát, người làm việc cật lực vì chúng sinh mọi loài. Như vậy từ "*Bồ tát*" nói chung, có nghĩa là một chúng sinh giác ngộ, chúng sinh hướng đến giác ngộ hoàn toàn hay Phật quả. Theo Trường Bộ Kinh, nghĩa đen của "*Bồ tát*" là người có trí, hoặc người quyết định hay nắm giữ con đường đi đến giác ngộ.

Vài thế kỷ sau khi đức Phật nhập diệt, Bồ Tát là một trong những tư tưởng quan trọng nhất của Phật tử Đại Thừa. Tuy nhiên, khái niệm Bồ tát không phải là sở hữu của riêng trường phái Đại Thừa. Từ "*Bồ tát*" đã được nói đến trong kinh điển Pali và xuất phát từ Phật giáo Nguyên Thủy, được dùng riêng để chỉ đức Phật Thích Ca Mâu Ni trước khi Ngài giác ngộ. Theo trường phái Thượng Tọa Bộ, Bồ tát được định nghĩa như là một người chắc chắn sẽ thành Phật. Vị ấy là bậc sáng suốt được người trí bảo vệ và ủng hộ. Theo Bát Thiên Tụng Bát Nhã Ba La Mật, không có nghĩa nào thật cho từ Bồ tát, bởi vì Bồ tát tu tập không chấp thủ đối với tất cả các pháp. Vì Bồ tát là bậc đã thức tỉnh không còn tham đắm, đã

hiểu tất cả các pháp và giác ngộ là mục đích của Bồ tát.

Nói tóm lại, Bồ tát là một bậc giác giả trong hàng các chúng sinh. Vị ấy thường lập nguyện đem sự giác ngộ và trí tuệ mà mình đã mở bày ra nhằm giác ngộ tất cả các chúng sinh khác. Công việc của một vị Bồ tát không dễ chút nào cả. Tuy không hy hữu như một vị Phật, nhưng cũng thật khó để có một vị Bồ tát thị hiện và cũng thật khó cho phàm phu (người thường) gặp được một vị Bồ tát thật.

Bồ tát là một "*Ma ha Tát-đỏa*"như được định nghĩa theo ngôn ngữ Bắc Phạn. '*Maha*' nghĩa là '*lớn*' và '*sattva*' nghĩa là '*chúng sinh*' hoặc '*can đảm*'. Ngài Long Thọ đã đưa ra một số nguyên nhân vì sao Bồ tát được gọi là '*Mahasattva.*' Bởi vì đại Bồ tát đã đạt được phạm hạnh cao cả, thượng thủ giữa những Bồ tát đức hạnh khác. Các đại Bồ tát rất hoan hỷ, từ bi giúp đỡ vô số chúng sinh một cách tích cực không mỏi mệt. Người Tây Tạng dịch '*Mahasattvas*' như là những '*vị anh hùng với tinh thần vĩ đại*' và những nguyện vọng của đại Bồ tát thật sự là tối thượng cao cả, hy sinh vì việc lớn. Các đại Bồ tát đi hoằng pháp ở mọi nơi, phụng sự chúng sinh như cúng dường chư Phật và biến Ta bà thành cảnh Tịnh độ. Các đại Bồ tát luôn thực hành tất cả những lời dạy của chư Phật, quán chiếu tất cả cảnh giới Tịnh độ, để hội tụ quần chúng ở mọi nơi về với đức Phật bằng cách cảm hóa tư tưởng chúng sinh, loại bỏ phiền não và phát khởi những tiềm năng giải thoát của họ.

Nói cách khác, Ma Ha Tát là Đại Bồ tát, phẩm hạnh và công đức hơn một Bồ tát bình thường. Ma Ha Tát là những vị có thể chuyển hóa tất cả nghiệp xấu và khổ đau của chính mình và sẽ chỉ ra con đường giải thoát cho tất cả chúng sinh bằng lòng từ bi hỷ xả vô lượng. Bồ tát là một chúng sinh vĩ đại, một con người cao thượng hay một người dẫn dắt chúng sinh loài người. Tiếng gọi chung cho chư Thanh Văn, Bồ tát hay Phật. Một bậc tự lợi lợi tha. Đại hữu tình, toàn thiện hơn bất cứ loài hữu tình nào ngoại trừ đức Phật. Ma ha tát là vị có tâm đại bi và đại năng lực, người đem đến sự cứu độ cho tất cả chúng sinh. Trong phần bắt đầu của Kinh Bát Thiên Tụng Bát Nhã Ba La Mật, đức Phật đã giải thích về ý nghĩa của '*Ma Ha Tát*' khi ngài Tu Bồ Đề hỏi đức Phật về điều này. Đức Phật trả lời rằng một Bồ tát được gọi là Ma Ha Tát trong ý nghĩa bởi vị Bồ tát ấy đã ban pháp thoại để chuyển hóa các chấp thủ, những quan điểm chấp thủ sai lầm như ngã, nhân, chúng sinh, thọ giả, hiện hữu, không hiện hữu, đoạn diệt, thường hằng, vân vân. Theo Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, Ma Ha Tát có phẩm hạnh tốt và tu tập các Ba la mật như Bồ tát và trồng căn lành nơi hàng trăm ngàn chư Phật.

Trong Phật giáo Nguyên Thủy, Bồ tát là người tu tập đoạn trừ kiết sử, thanh tịnh tâm để trở thành bậc toàn thiện và giác ngộ. Chính những Bồ tát như vậy xuất hiện trong kinh điển Pali. Thành tựu như vậy là Bồ Tát đã hoàn thành lý tưởng

phạm hạnh của mình. Nhưng lý tưởng Đại Thừa đã đưa Bồ tát đến những nỗ lực lớn hơn dựa trên những hoạt động tích cực để giúp tất cả chúng sinh đau khổ đạt được hạnh phúc tối hậu mà trước đó Bồ tát không quan tâm. Không thỏa mãn với những tu tập chỉ làm giảm thiểu tham, sân, si, tiêu trừ kiết sử và hoàn thành đời sống phạm hạnh cho chính mình, nên Bồ tát chú tâm nỗ lực giúp tất cả chúng sinh vượt qua cuộc phấn đấu tìm an lạc giải thoát cho họ. Còn một chúng sinh nào chưa giải thoát thì Bồ tát chưa giải thoát. Đó là lý tưởng của Bồ tát.

Trong khi đó, đức Phật nhắc Mahamati về sự khác biệt giữa Bồ tát và hàng Nhị Thừa trong Kinh Lăng Già như sau: Này Mahamati, sự khác biệt giữa Bồ tát và hàng Nhị Thừa như sau: Nhị Thừa không thể tiến qua địa thứ sáu và tại đó chư vị nhập Niết Bàn. Trong khi vị Bồ tát ở địa thứ bảy, đi qua một kinh nghiệm tâm linh hoàn toàn mới, được gọi là anabhogacarya và có thể được dịch là một đời sống vô mục đích hay vô công dụng. Nhưng được hộ trì bởi thần lực chư Phật là cái năng lực nhập vào các đại nguyện mà vị Bồ tát thiết lập đầu tiên khi ngài mới khởi đầu sự nghiệp của Ngài và giờ đây Ngài thiết định nhiều phương pháp cứu độ khác hẳn nhau nhằm lợi lạc cho chúng sinh u mê lầm lạc của Ngài. Từ quan điểm tuyệt đối về chân lý tối hậu mà vị Bồ tát đạt được, thì không có sự tiến bộ của tâm linh như thế trong đời sống của Ngài, vì ở đây quả thực không có tầng bậc, không có sự thăng tiến tương tục mà riêng chân lý là không có tướng trạng và tách ly hoàn toàn với sự phân biệt.

Theo Đại Trí Độ Luận, chữ Bodhi có nghĩa là con đường hành đạo của chư Phật, chữ sattva là bản chất của thiện pháp. Bồ tát là vị có tâm cứu giúp tất cả chúng sinh vượt qua dòng sông sinh diệt. Theo lối dịch cũ, Bồ tát là một vị Đại Đạo Tâm Chúng Sinh. Theo lối dịch mới, Bồ tát là một bậc Đại Giác Hữu Tình. Bồ tát là bậc tầm cầu sự giác ngộ tối thượng, không phải chỉ cho chính mình mà cho tất cả chúng sinh. Bồ tát còn là người tu theo Đại Thừa, xuất gia hay tại gia, thượng cầu đại giác, hạ hóa chúng sinh (tự giác, giác tha).

Bồ tát là chúng sinh tu hành và xem lục độ Ba La Mật như là phương cách cứu độ và giác ngộ. Mục đích của Bồ tát là cứu độ chúng sinh. Bốn bản chất vô lượng của Bồ tát là Từ vô lượng, Bi vô lượng, Hỷ vô lượng và Xả vô lượng. Một người, hoặc Tăng Ni, hay Phật tử tại gia đạt quả vị Niết bàn trong cương vị một Thanh văn, hay Duyên giác, nhưng vì lòng đại bi thương xót chúng sinh, nên không vào Niết bàn mà tiếp tục đi trong Ta Bà để cứu độ chúng sinh. Trong lòng của Bồ tát luôn có Bồ Đề Tâm và nguyện lực. Bồ Đề tâm bao gồm trí tuệ siêu việt là lòng đại bi. Nguyện lực là sự quyết tâm kiên định để cứu thoát tất cả chúng sinh.

Theo trường phái Đại Thừa, Bồ tát từ chối nhập Niết Bàn cho đến khi nào thực hiện xong lời nguyện là cứu độ hết thảy chúng sinh. Ngoài ra, Bồ tát còn xem hết thảy chúng sinh như chính mình nên không nở ăn thịt. Bồ tát là một chúng sinh đã có sẵn bản chất hoặc tiềm năng của trí tuệ siêu việt hoặc chính giác tối thượng, là bậc đang đi trên con đường đạt tới trí tuệ siêu việt. Bồ tát là một chúng sinh có khả năng thành Phật. Với sự tự tại, trí tuệ và từ bi, Bồ tát biểu thị một thời kỳ cao của Phật quả, nhưng chưa phải là một vị Phật toàn giác. Sự nghiệp tu hành của bậc Bồ tát kéo dài nhiều đời nhiều kiếp, mỗi đời Ngài đều thực hành lục độ và thập địa để cầu đắc quả chính giác tối hậu, đồng thời lấy sự phấn đấu vĩ đại và tâm kiên nhẫn phi thường và không ngừng tự hy sinh để mưu cầu sự tốt đẹp cho tất cả chúng sinh. Bồ tát là người đã giác ngộ, tự hiến đời mình trợ giúp người khác đạt giải thoát. Với sự tự tại, trí huệ và từ bi, Bồ tát biểu thị một giai đoạn cao của Phật quả nhưng chưa phải là một vị Phật giác ngộ vô thượng viên mãn hoàn toàn.

Theo Kinh Duy Ma Cật, đức Phật bảo Ngài Di Lặc: *“Ông phải biết, Bồ tát có hai tướng. Sao gọi là hai? Một là những người ưa những câu văn hay đẹp, hai là những người không sợ nghĩa sâu xa, hiểu được đúng như thật. Như hạng ưa những câu văn hay đẹp, phải biết đó là Bồ tát mới học. Nếu ở nơi kinh điển thậm thâm không nhiễm, không trước, không có chút sợ sệt và hiểu rõ được đó, nghe rồi tâm thanh tịnh thọ trì, đọc tụng đúng như lời nói mà tu hành, phải biết đó là hạng tu hành đã lâu. Nầy Di Lặc! Lại có hai pháp gọi là Bồ Tát mới học, không thể quyết định pháp thậm thâm*." Hai pháp là chi? Một là những kinh điển thậm thâm chưa từng nghe nếu nghe thời sợ sệt sinh lòng nghi, không tùy thuận được, chê bai không tin rồi nói rằng: “*Kinh này từ trước đến giờ ta chưa từng nghe, từ đâu đến đây*?” Hai là nếu có người hộ trì giải nói những kinh sâu xa như thế, không chịu gần gũi, cúng dường cung kính, hoặc ở nơi đó nói lỗi xấu xa của người kia. Có hai pháp đấy, phải biết Bồ tát mới học chỉ là tự tổn hại, chứ không thể ở nơi pháp thậm thâm mà điều phục được tâm mình. Này Di Lặc! Lại có hai pháp, Bồ tát dầu tin hiểu thâm pháp, vẫn còn tự tổn hại chớ không thể chứng được vô sinh pháp nhẫn. Hai pháp là chi? Một là khinh dễ các Bồ Tát mới học mà không dạy bảo. Hai là tin hiểu thâm pháp mà lại chấp tướng phân biệt.

Sau khi nghe Phật thuyết giảng, Bồ tát Di Lặc bạch Phật rằng: “*Bạch Thế Tôn! Thật chưa từng có! Như lời Thế Tôn đã nói, con quyết xa lìa các lỗi như thế, xin vâng giữ pháp Vô thượng Chính đẳng Chính giác đã chứa nhóm từ vô lượng a tăng kỳ kiếp của Như Lai. Nếu vị lai có người thiện nam tử hay thiện nữ nhân nào cầu pháp Đại thừa, con sẽ làm cho tay người đó được những kinh như thế và cho họ cái sức ghi nhớ để thọ trì đọc tụng, diễn nói cho người. Bạch Thế Tôn! Nếu đời sau có người thọ trì, đọc tụng, diễn nói kinh này cho người khác, đó chính là thần lực của Di Lặc lập nên.*”

Sự mâu thuẫn giữa trí tuệ và từ bi

Một vị Bồ tát là một tổng hợp của hai lực mâu thuẫn là trí tuệ và từ bi. Trong trí tuệ của Ngài, Ngài không thấy người nào; trong từ bi của Ngài, Ngài quả quyết cứu vớt tất cả. Khả năng phối hợp những thái độ mâu thuẫn này là nguồn gốc của sự vĩ đại, và của khả năng tự độ và độ tha của vị Bồ tát. Điều mà con người phải làm là không nên phân biệt giữa mình và những người khác và phải đợi cho đến khi mọi người đều được giúp đỡ trước khi nhập diệt. Vậy thì Đại Thừa cho rằng một vị A La Hán nhắm mục đích chưa đủ cao.

Theo họ, mục đích nỗ lực của Phật giáo, con người lý tưởng không phải là con người vị kỷ, lạnh lùng với đầu óc hẹp hòi của một vị A La Hán, mà phải là một vị Bồ tát với lòng từ bi bao la, người đã từ bỏ trần gian, nhưng không bỏ rơi chúng sinh ở đó. Trong khi trí tuệ được giảng dạy là cao tuyệt, và từ bi là đức tính phụ thuộc; thì trong Phật giáo Đại Thừa, từ bi bây giờ được đưa lên ngang hàng với trí tuệ. Trong khi trí tuệ của A La Hán là thành quả trong việc tự mình giải thoát cái phải giải thoát, thì nó có vẻ khô cằn trong những đường hướng liên quan đến việc giúp đỡ mọi người. Trong Phật giáo Đại Thừa, Bồ tát không những là người tự mình giải thoát, mà còn khéo léo tìm cách tạo và làm nẩy mầm Bồ Đề nơi người khác nữa.

Theo Kinh Bát Nhã Ba La Mật Đa: "*Những người làm những việc khó khăn là chư Bồ tát, những chúng sinh vĩ đại đã đạt được giác ngộ tối thượng, nhưng họ không muốn đạt đến Niết Bàn cho riêng mình. Trái lại, các ngài đã trải qua làm chúng sinh của trần gian đầy thống khổ, và tuy vậy, vẫn khao khát đạt được giác ngộ tối thượng, các vị không run sợ trước sinh tử. Vì thương xót trần gian mà các vị lên đường vì lợi ích và hạnh phúc của trần thế. Chư vị quyết định chúng tôi muốn trở thành một nơi an trú cho trần gian, một nơi về nương cho trần gian, một nghỉ ngơi cho trần gian, sự êm ấm cuối cùng của trần gian, hải đảo của trần gian, người hướng đạo cho trần gian, và những phương tiện giải thoát cho trần gian.*"

Bồ tát có thể được xem như Chư Thiên hay không?

Chư thiên cư ngụ trong cõi trời, bên trên cõi người, nhưng vẫn chưa giác ngộ và hãy còn bị trói buộc vào luân hồi sinh tử. Thiên thể hay thần thánh là những chúng sinh nằm trong ba điều kiện tốt của sự tái sinh do những nghiệp lành đời trước; họ sống lâu dài trong một khung cảnh hạnh phúc trên cõi trời, tuy vẫn còn chịu chu kỳ tái sinh như các chúng sinh khác. Tuy nhiên, đây chính là những trở ngại chính cho bước đường tu tập của họ vì họ bị mải mê trong những hạnh phúc đó, nên không còn nhận chân ra sự thật khổ đau nữa. Chư

thiên là những chúng sinh trú ngụ cõi cao nhất trong sáu đường sinh tử luân hồi. Dầu Phật giáo phủ nhận sự hiện hữu của một thượng đế toàn năng, nhưng có một số chư thiên được kể trong Phật giáo.

Theo Phật giáo, chư thiên là những chúng sinh chỉ hưởng thụ những đam mê nhằm thỏa mãn giác quan do phước đức tu tập và gieo trồng ở kiếp trước của họ. Niềm vui của chư thiên được xem là vui hơn ở cõi người và những cảnh giới khổ đau khác, nhưng chư thiên không biết đến luật vô thường hay sự chấm dứt không thể tránh được của những phước báo tạm bợ và sau đó họ sẽ rơi vào các đường khổ của con người, a tu la, ngạ quỷ, súc sinh, hay ngay cả địa ngục. Trong Phật giáo, đây chính là những trở ngại chính cho bước đường tu tập của họ vì họ bị mải mê trong những hạnh phúc đó, nên không còn nhận chân ra sự thật khổ đau nữa. Sau khi nghiệp lành cạn kiệt, họ lại phải tái sinh vào những đường dữ và chịu khổ. Chính vì thế mà chư thiên không phải là đối tượng để cầu nguyện hay tu tập và chư thiên không có chức năng gì quan trọng trong Phật giáo.

Bồ tát không bao giờ được xem như là chư thiên hay thần thánh, hoặc một thực thể vĩnh viễn để thờ phụng. Ý tưởng Bồ tát chỉ là một tính chất tượng trưng của Phật pháp được các vị tổ sáng suốt tạo ra sau khi đức Phật đã nhập diệt, nhằm thích ứng Phật giáo với những hoàn cảnh đặc biệt mà thôi. Khái niệm Bồ tát đạo xuất hiện trong cả Phật giáo Nguyên Thủy lẫn Phật giáo Đại Thừa. Vì vậy ý tưởng Bồ tát đạo trong Phật giáo Đại Thừa không xa lạ với truyền thống Nguyên Thủy. Theo giáo điển Phật giáo, cả hai truyền thống Phật giáo Nguyên thủy và Đại Thừa đều thừa kế ý tưởng Bồ tát từ truyền thống trùng tụng xa xưa nhất, chứ không phải ai vay mượn của ai.

Theo E. J. Thomas trong tác phẩm nhan đề "*Phật giáo*," không có trường phái Phật giáo nào cho là mình là người đầu tiên khởi xướng ra ý tưởng Bồ tát, cũng không có bất kỳ tài liệu nào có thể xác nhận trường phái nào vay mượn khái niệm Bồ tát cả. Theo Phật giáo Đại Thừa, Bồ tát là những vị phát tâm Bồ Đề, tu tập các hạnh nguyện Ba La Mật để cuối cùng thành Phật. Sự phát Bồ Đề tâm đòi hỏi vị Bồ tát phải hy sinh bản thân trong nhiều đời và khi nào chúng sinh giải thoát hết thì mới đến vị ấy giải thoát. Vì rằng nếu chỉ giải thoát cho riêng mình trước người khác thì ý nghĩa của Bồ Đề tâm sẽ không được phát triển đầy đủ. Cũng theo Phật giáo Đại Thừa, Bồ tát nhiều vô số không thể đếm được như số cát sông Hằng. Kỳ thật, về bản thể thì mỗi chúng sinh là một vị Bồ tát, bởi nơi mỗi chúng sinh đều có tiềm năng, chủng tử, hay bản chất để thành Phật. Như vậy theo quan điểm Đại Thừa thì Bồ tát có thể là một vị Tăng, một vị Ni, hay một người bình thường như chúng ta. Thật vậy, hầu hết các vị Bồ tát trong lịch sử Phật giáo đều là cư sĩ tại gia. Sỡ dĩ như vậy là vì khi hành Bồ tát đạo, vị Bồ

tát phải tiếp xúc với mọi người trong xã hội. Tuy nhiên, Phật giáo Nguyên Thủy chỉ tin có đức Phật Cồ Đàm ở những kiếp trước là một vị Bồ tát mà thôi.

Những đặc tính của chư Bồ tát

Bồ tát là bậc tầm cầu sự giác ngộ tối thượng, không phải chỉ cho chính mình mà cho tất cả chúng sinh. Bồ tát là người tu theo Đại Thừa, xuất gia hay tại gia, thượng cầu đại giác, hạ hóa chúng sinh (tự giác, giác tha). Bồ tát là một chúng sinh tu hành và xem lục độ Ba La Mật như là phương cách cứu độ và giác ngộ. Mục đích của Bồ tát là cứu độ chúng sinh. Bốn bản chất vô lượng của Bồ tát là Từ vô lượng, Bi vô lượng, Hỷ vô lượng và Xả vô lượng. Một người, hoặc Tăng Ni, hay Phật tử tại gia đạt quả vị Niết bàn trong cương vị một Thanh Văn, hay Duyên Giác, nhưng vì lòng đại bi thương xót chúng sinh, nên không vào Niết bàn mà tiếp tục đi trong Ta Bà để cứu độ chúng sinh. Trong lòng của Bồ tát luôn có Bồ Đề Tâm và nguyện lực. Bồ Đề tâm bao gồm trí tuệ siêu việt là lòng đại bi. Nguyện lực là sự quyết tâm kiên định để cứu thoát tất cả chúng sinh. Chư Bồ tát có những đặc điểm sau đây:

Thứ nhất, Chư Bồ tát luôn có 3 đặc tính chính:

1, Bồ tát hy vọng tái sinh lại cõi người nhiều lần để độ sinh, muốn như vậy thì Bồ tát phải thị hiện lưu lại chủng tử tái sinh. Theo Duy Thức Luận, để được tái sinh trở lại làm người, Bồ tát lưu lại các phiền não chướng để nguyện thọ sinh vào cõi Ta Bà. Tuy nhiên, vị Bồ tát tái sinh với đầy đủ tâm và thức, biết nơi mà Ngài chọn để tái sinh. Kỳ thật, Bồ tát không bị phiền não chướng làm ô nhiễm, nhưng các Ngài chỉ thị hiện lưu lại chủng tử để tạo nguyên nhân sinh trong vòng duyên khởi, gọi là trì giữ phiền não.

2, Một vị Bồ tát luôn có đầy đủ "*Tứ Vô Lượng Tâm*". Bốn đức hạnh này không thể đứng riêng lẽ hoặc rời rạc nhau. Lòng từ có thể được coi như là trung tâm với ba hạnh khác tương quan nhau. Bi là nền tảng tượng trưng cho tình thương, kính trọng và quan tâm tới tất cả chúng sinh. Mạng sống quý giá đối với chúng sinh mọi loài, nên một vị Bồ Tát cũng yêu thương mọi loài như chính bản thân mình. Hỷ là niềm vui đồng cảm với việc thiện. Hỷ là niềm hạnh phúc trong tất cả các niềm hạnh phúc, nó chính là hệ quả của lòng từ. Xả là điều kiện tiên quyết của lòng từ, tượng trưng cho lòng từ đến với tất cả chúng sinh. Nó còn có nghĩa là tâm không thiên vị. Thứ ba, trên bước đường tu tập Bồ tát đạo, để phát triển Bồ Đề Tâm và viên mãn Bồ tát Quả, chư Bồ tát luôn thực hành hạnh Ba La Mật. Nói cách khác, con đường từ chúng sinh lên Bồ Tát và hiện thực toàn giác hay hoàn thành giác ngộ Bồ Đề, Bồ Tát phải nỗ lực và kiên trì thực hành tất cả

các hạnh Ba La Mật.

Thứ nhì, Chư Bồ tát còn có 10 đặc tính khác:

1, Bồ Tát lưu chủng tử như một nguyên nhân cho các hạnh nghiệp Bồ tát trong tương lai. Các Ngài phải lưu chủng tử vì các Ngài hy vọng sẽ tái sinh vào thế giới Ta Bà hóa độ chúng sinh trong cõi nước này. Theo Duy Thức Luận, ngài Long Thọ đã nhấn mạnh: "*Một vị Bồ tát lưu lại các phiền não chướng vì hạnh nguyện thọ sinh vào cõi Ta Bà.*" Vì vậy, vị Bồ tát tái sinh trong hoàn toàn tỉnh thức, Ngài biết nơi mà Ngài chọn để tái sinh. Thật ra Bồ tát không bị nhiễm ô bởi các phiền não, nhưng chỉ thị hiện lưu chủng tử để tạo nguyên nhân tái sinh trong vòng duyên khởi, đây còn gọi là *'trì giữ phiền não*.'

2, Bồ tát luôn tu tập theo "*Tứ Vô Lượng Tâm*." Bốn đức hạnh này không đứng riêng rẽ hoặc rời rạc nhau, trong đó lòng "*Bi*" có thể được coi là trung tâm, vì "*Bi*" là nền tảng của "*từ*" tượng trưng cho tình thương, sự kính trọng và lòng quan tâm đến chúng sinh mọi loài.

3, Bồ tát có những phẩm chất bất thối chuyển. Bồ tát tìm cầu giác ngộ theo con đường Đại Thừa, chứ không theo bất cứ thừa nào khác. Vì với Đại Thừa Bồ tát cần có niềm tin rộng lớn, bởi vì Phật pháp rộng lớn như biển cả và chỉ có thể bước vào biển pháp bao la này với lòng tín. Tín là mẹ của công đức và đức hạnh trong tu tập của Bồ tát. Vì thế lòng tin bất thối chuyển trong Đại Thừa là một trong những đặc tính quan trọng của Bồ tát hạnh.

4, Tư tưởng chư Bồ tát bất thối chuyển. Tư tưởng của các bậc Bồ tát luôn tỉnh thức bất thối trong tu tập Bồ tát đạo, trong tu tập lục độ ba la mật và hàng ngàn công hạnh khác.

5, Chư Bồ tát luôn bất thối chuyển trong tu tập. Trong tu tập, các bậc Bồ tát chỉ có tiến chứ không lùi. Vì vậy họ còn được gọi là Bất Thối Chuyển Bồ tát.

6, Chư Bồ tát luôn Chuyển Pháp Luân Bất Thối Chuyển. Chư Bồ tát, vì lòng thương xót chúng sinh, mà chuyển Pháp luân bất thối chuyển để dạy dỗ và cảm hóa chúng sinh. Vì vậy, khi nào còn các vị Bồ tát thì '*Bánh xe pháp*' sẽ hằng chuyển mãi trong cõi Ta Bà này.

7, Chư Bồ tát luôn trồng công đức thâm sâu. Trong nhiều đời nhiều kiếp, Bồ tát đã vun trồng công đức thâm sâu. Những thiện căn này được gọi là "*cội công đức*" và chúng chính là nguồn cội của mọi đức hạnh. Cội nguồn này vô hạn vô biên.

8, Chư Bồ tát luôn có đại trí tuệ. Trí tuệ là kết quả của tâm Bồ Đề rộng lớn. Do tâm Bồ Đề rộng lớn, nguyện độ hết thảy chúng sinh mà không thấy chúng sinh được độ, tức là các Ngài không còn chấp trước với hình tướng nữa.

9, Chư Bồ tát luôn hiểu nguyên lý lớn về hết thảy chúng sinh đều có Phật tính. Tất cả chúng sinh đều có Phật tính và đều có thể thành Phật. Đây là nguyên lý chính, mỗi người chúng ta là một vị Phật. Cách hành xử của Thường Bất Khinh Bồ tát là một thí dụ điển hình. Công đức đặc biệt của Thường Bất Khinh Bồ tát là ngài luôn kính trọng mọi người. Bồ tát trải đời mình du hành khắp nơi, tiếp xúc với tất cả chúng sinh, bất kể là Bồ tát biết người đó hay không, Ngài đều cung kính chắp tay trước họ mà nói: "*Tôi không bao giờ dám khinh các Ngài, vì các Ngài rồi sẽ thành Phật*." Ngài không bao giờ buồn phiền khi bị người chửi mắng hay sỉ nhục khi nghe Ngài nói câu này. Ngài luôn bình thản thực hành hạnh nguyện kính trọng đó bởi vì ngài biết chắc rằng tất cả chúng sinh rồi sẽ thành Phật.

10, Chư Bồ tát luôn tu tập đại công hạnh. Bên cạnh tu tập sáu hay mười Ba La Mật, Bồ Tát còn tu tập Tứ Nhiếp Pháp.

Thứ Ba, Chư Bồ tát còn có 10 đặc tính cơ bản khác:

1, Một vị Bồ tát không chán ghét thứ gì trong bất cứ thế giới nào mà ngài bước vào, vì biết rằng hết thảy các pháp như ảnh tượng phản chiếu.

2, Một vị Bồ tát không đam mê trong bất cứ con đường nào mà ngài bước đi, vì biết rằng tất cả chỉ là sự hóa hiện.

3, Một vị Bồ tát không thấy mỏi mệt trong bất cứ nỗ lực nào điều phục chúng sinh, vì biết rằng tất cả là vô ngã.

4, Một vị Bồ tát nhiếp hóa chúng sinh không hề mỏi mệt vì từ bi là tinh thể của ngài.

5, Một vị Bồ tát không sợ phải trải qua nhiều kiếp, vì thấy rõ rằng sinh tử và năm uẩn như ảo tượng.

6, Một vị Bồ tát không hủy diệt bất cứ con đường hiện hữu nào, vì biết rằng hết thảy các giới (dhatu) và xứ (ayatana) đều là pháp giới (dharmadhatu).

7, Một vị Bồ tát không có thiên chấp về các đạo vì biết rằng hết thảy tư tưởng đều như quáng nắng.

8, Một vị Bồ tát không bị ô nhiễm dù khi đang ở trong cõi của hàng chúng sinh xấu ác, vì biết rằng hết thảy các thân đều chỉ là những giả tượng.

9, Một vị Bồ tát không hề bị lôi cuốn bởi những tham dục, vì đã hoàn toàn chế ngự tất cả những gì được khải thị.

10, Một vị Bồ tát đi bất cứ ở đâu một cách vô cùng tự tại, vì đã hoàn toàn kiểm soát những giả tướng.



Ảnh minh hoạ (sưu tầm)

Thứ Tư, 500 vị Bồ tát sinh ra từ hạnh nguyện Phổ Hiền có 10 đặc tính nổi bật:

1, Công hạnh của các Ngài không còn bị vướng mắc, vì có thể hiện thân khắp trong tất cả cõi Phật.

2, Họ hiển hiện vô số thân, vì có thể đi đến bất cứ nơi nào có Phật.

3, Họ có nhãn quan thanh tịnh và vô ngại, vì họ có thể thấy được những thần biến của chư Phật.

4, Họ có thể du hành bất cứ nơi đâu không bị giới hạn vào một xứ sở nào, vì họ hằng đến khắp tất cả những chỗ chư Phật thành Chính Đẳng Chính Giác.

5, Họ có ánh sáng không giới hạn, vì có thể soi tỏ biển Phật pháp bằng ánh sáng trí tuệ của mình.

6, Họ có khả năng biện tài không bao giờ cùng tận, vì ngôn ngữ của họ không ô nhiễm.

7, Họ an trụ nơi trí tuệ vô đẳng, biết rõ không cùng tận như hư không vì công hạnh của họ thanh tịnh vô cấu.

8, Họ không cố định tại một nơi nào vì họ tự hiện thân tùy theo tâm niệm và nguyện vọng của hết thảy chúng sinh.

9, Họ không bị mê muội vì họ biết rằng không có pháp và không có ngã trong thế giới của chúng sinh.

10, Họ có siêu việt trí bao la như hư không, vì soi tỏ hết thảy Pháp giới bằng màn lưới quang minh của chính họ.

Thứ Năm là 26 đặc tính rất đặc biệt của chư đại Bồ tát:

Trong chúng hội Hoa Nghiêm, chư Bồ tát này còn có 26 đặc tính:

1, Họ biết rằng chư pháp như huyễn.

2, Họ biết chư Phật như ảnh.

3, Họ biết hết thảy loài thọ sinh như mộng.

4, Họ biết hết thảy nghiệp báo như bóng trong gương.

5, Họ biết hết thảy các pháp khởi lên như quáng nắng.

6, Họ biết hết thảy thế gian đều như hóa.

7, Họ đã thành tựu mười năng lực.

8, Họ đã thành tựu trí huệ.

9, Họ đã thành tựu tối thắng.

10, Họ đã thành tựu quyết tín của Như Lai, khiến họ có thể cất tiếng rống của sư tử.

11, Họ đã vào sâu trong biển cả của biện tài vô tận.

12, Họ đã chứng đắc tri kiến giảng thuyết chính pháp cho hết thảy chúng sinh.

13, Họ đã hoàn toàn tự tại đối với hành vi của mình nên có thể du hành khắp thế giới không trở ngại như đi giữa hư không.

14, Họ đã chứng đắc các năng lực kỳ diệu của một vị Bồ tát.

15, Sự dũng mãnh và tinh tấn của họ có thể phá vỡ đội quân Ma vương.

16, Trí lực của họ quán triệt từ quá khứ, hiện tại đến vị lai.

17, Họ biết rằng tất cả các pháp đều như hư không, họ thực hành hạnh không chống đối, không chấp trước các pháp.

18, Dù họ siêng năng không mệt mỏi vì lợi ích của mọi người, nhưng biết rằng khi dùng nhất thiết trí để quán sát, các pháp vốn không từ đâu đến.

19, Dù họ nhận thấy có một thế giới khách quan, họ biết rằng hiện hữu của thế giới vốn là bất khả đắc.

20, Bằng trí tuệ tối thắng, họ tự hiện thân vô cùng tự tại.

21, Họ thác sinh vào tất cả các thế giới, hóa hiện đủ loại hình tướng.

22, Trong tất cả thế giới, họ tự hiện thân vô cùng tự tại.

23, Họ biến đổi cảnh vi tế thành cảnh quảng đại, biến đổi cảnh rộng lớn thành cảnh vi tế.

24, Ngay trong một niệm diện kiến hết thảy chư Phật.

25, Họ được thần lực của chư Phật gia hộ.

26, Trong chớp mắt họ thấy hết cả vũ trụ mà không chút lẫn lộn, và ngay trong một sát na; và họ có thể du hành khắp tất cả mọi thế giới.

Thứ Sáu là 10 đặc điểm của Bồ Đề Tâm trong sự nghiệp của một vị Bồ tát:

Bồ tát Di Lặc trút hết biện tài của Ngài để tán dương sự quan trọng của Bồ Đề tâm trong sự nghiệp của một vị Bồ tát. Bởi vì nếu Thiện Tài Đồng Tử không in đậm sự kiện đó trong lòng, đã không dễ gì bước vào cung điện Tỳ Lô Giá Na. Cung điện đó tàng ẩn tất cả những bí mật trong đời sống tâm linh của người Phật tử cao tuyệt. Nếu đồng tử đó chưa được chọn kỹ để bắt đầu, những bí mật ấy không có nghĩa gì hết. Chúng có thể bị hiểu lầm nghiêm trọng và hậu quả cố nhiên là khốc hại. Vì lý do đó, Ngài Di Lặc chỉ cho Thiện Tài thấy đủ mọi góc cạnh đâu là ý nghĩa đích thực của Bồ Đề tâm. Bồ Đề tâm có mười đặc điểm sau đây:

1, Bồ Đề tâm khởi lên từ tâm đại bi: Nếu không có đại bi tâm, chẳng thể là Phật pháp. Coi nặng đại bi tâm (Mahakaruna) là nét chính của Đại Thừa. Chúng ta có thể nói, toàn bộ tính chất của giáo thuyết đó quay quanh cái trụ chốt này. Nền triết lý viên dung được miêu tả rất gợi hình trong Hoa Nghiêm thực sự chính là cái bùng vỡ của công năng sinh động đó. Nếu chúng ta vẫn còn dây dưa trên bình diện trí năng, những giáo thuyết của Phật như Tính Không (Sunyata),Vô Ngã (Anatmya), vân vân, dễ trở thành quá trừu tượng và mất hết sinh lực tâm linh vì không kích thích nổi ai cái cảm tình cuồng nhiệt. Điểm chính cần phải nhớ là, tất cả giáo thuyết của Phật đều là kết quả của một trái tím ấm áp hằng hướng tới tất cả các loại hữu tình; chứ không là một khối óc lạnh lùng muốn phủ kín những bí mật của đời sống bằng lý luận. Tức là, Phật pháp là kinh nghiệm cá nhân, không phải là triết học phi nhân.

2, Phát Bồ Đề tâm không phải là biến cố trong một ngày: Phát Bồ Đề tâm đòi hỏi một cuộc chuẩn bị trường kỳ không phải trong một đời mà phải qua nhiều đời. Đối với những người chưa hề tích tập thiện căn, tâm vẫn đang ngủ vùi. Thiện căn phải được dồn lại để sau này gieo giống trở thành cây Bồ Đề tâm hợp bóng. Thuyết nghiệp báo có thể không phải là một lối trình bày có khoa học về các sự kiện, nhưng các Phật tử Đại Thừa hay Tiểu Thừa đều tin tưởng tác động của nó nơi lĩnh vực đạo đức trong đời sống của chúng ta. Nói rộng hơn, chừng nào tất cả chúng ta còn là những loài mang sử tính, chúng ta không trốn thoát cái nghiệp đi trước, dù đó có nghĩa là gì. Bất cứ ở đâu có khái niệm về thời gian, thì có sự tiếp nối của nghiệp. Nếu chấp nhận điều đó, Bồ Đề tâm không thể sinh trưởng từ mảnh đất chưa gieo trồng chắc chắn thiện căn.

3, Bồ Đề Tâm Phát Sinh Từ Thiện Căn: Nếu Bồ Đề tâm phát sinh từ thiện căn, chắc chắn nó phải là phì nhiêu đủ tất cả các điều tốt đẹp của chư Phật và chư Bồ tát, và các loài cao đại. Đồng thời nó phải là tay cự phách diệt trừ các ác trược, bởi vì không thứ gì có thể đương đầu nổi sấm chớp kinh hoàng giáng xuống từ lưỡi tầm sét Đế Thích của Bồ Đề tâm.

4, Phát Bồ Đề tâm diễn ra từ chỗ uyên ảo của tự tính, đó là một biến cố tôn giáo vĩ đại: Tính chất cao quý cố hữu của Bồ Đề tâm không hề bị hủy báng ngay dù nó ở giữa mọi thứ ô nhiễm, ô nhiễm của tri hay hành, hoặc phiền não. Biển lớn sinh tử nhấn chìm tất cả mọi cái rơi vào đó. Nhất là các nhà triết học, họ thỏa mãn với những lối giải thích mà không kể đến bản thân của sự thực, những người đó hoàn toàn không thể dứt mình ra khỏi sự trói buộc của sống và chết, bởi vì họ chưa từng cắt đứt sợi dây vô hình của nghiệp và tri kiến đang kìm hãm họ và cõi đất nhị nguyên do óc duy trí của mình.

5, Bồ Đề tâm vượt ngoài vòng chinh phục của Ma vương: Trong Phật pháp, Ma vương tượng trưng cho nguyên lý thiên chấp. Chính nó là kẻ luôn mong cầu cơ hội tấn công lâu đài kiên cố của Trí (Prajna) và Bi (Karuna). Trước khi phát tâm Bồ Đề, linh hồn bị lôi kéo tới thiên chấp hữu và vô, và như thế là nằm ngoài ranh giới năng lực hộ trì của tất cả chư Phật và Bồ Tát, và các thiện hữu tri thức. Tuy nhiên, sự phát khởi đó đánh dấu một cuộc chuyển hướng quyết định, đoạn tuyệt dòng tư tưởng cố hữu. Bồ tát bây giờ đã có con đường lớn thênh thang trước mắt, được canh chừng cẩn thận bởi ảnh hưởng đạo đức của tất cả các đấng hộ trì tuyệt diệu. Bồ tát bước đi trên con đường thẳng tắp, những bước chân của Ngài quả quyết, Ma vương không có cơ hội nào cản trở nổi bước đi vững chãi của Ngài hướng tới giác ngộ viên mãn.

6, Khi Bồ Đề tâm được phát khởi, Bồ tát được quyết định an trụ nơi nhất thiết trí: Bồ Đề tâm có nghĩa là làm trỗi dậy khát vọng mong cầu giác ngộ tối thượng mà Phật đã thành tựu, để rồi sau đó Ngài làm bậc đạo sư của một phong trào tôn giáo, được gọi là đạo Phật. Giác ngộ tối thượng là nhất thiết trí (Sarvajnata), thường được nhắc nhở trong các kinh điển Đại Thừa. Nhất Thiết trí vốn là yếu tính của đạo Phật. Nó không có nghĩa rằng Phật biết hết mọi thứ, nhưng Ngài đã nắm vững nguyên lý căn bản của hiện hữu và Ngài đã vào sâu trong trọng tâm của tự tính.

7, Phát Bồ Đề tâm đánh dấu đoạn mở đầu cho sự nghiệp của Bồ tát: Trước khi phát Bồ Đề tâm, ý niệm về Bồ tát chỉ là một lối trừu tượng. Có thể tất cả chúng ta đều là Bồ tát, nhưng khái niệm đó không được ghi đậm trong tâm thức chúng ta, hình ảnh đó chưa đủ sống động để làm cho chúng ta cảm và sống sự thực. Tâm được phát khởi, và sự thực trở thành một biến cố riêng tư. Bồ tát bấy giờ

sống tràn lên như run lên. Bồ Tát và Bồ Đề tâm không thể tách riêng. Bồ Đề tâm ở đâu là Bồ Tát ở đó. Tâm quả thực là chìa khóa mở tất cả cửa bí mật của Phật pháp.

8, Bồ Đề tâm là giai đoạn thứ nhất trong hạnh nguyện của Bồ Tát: Trong Kinh Hoa Nghiêm, chủ đích đi cầu đạo của Thiện Tài là cốt nhìn ra đâu là hạnh và nguyện của Bồ tTát. Rồi nhờ đức Di Lặc mà Thiện Tài trực nhận từ trong mình tất cả những gì mình săn đuổi giữa các minh sư, các đạo sĩ, các Thiên thần,... Cuối cùng được ngài Phổ Hiền ấn chứng, nhưng nếu không có giáo huấn của đức Di Lặc về Bồ Đề tâm và được Ngài dẫn vào lầu các Tỳ Lô, Thiện Tài hẳn là không mong gì thực sự bước lên sự nghiệp Bồ tát đạo của mình. Hạnh và nguyện, xác chứng một Phật tử có tư cách là Đại Thừa chứ không phải là Tiểu Thừa, không thể không phát khởi Bồ Đề tâm trước tiên.

9, Đặc chất của Bồ tát sinh ra từ Bồ Đề tâm là không bao giờ biết đến mệt mỏi: Kinh Hoa Nghiêm mô tả Bồ tát như là một người không hề mệt mỏi sống cuộc đời dâng hiến, để làm lợi ích hết thảy chúng sinh, về tinh thần cũng như vật chất. Đời sống của Ngài trải rộng đến tận cùng thế giới, trong thời gian vô tận và không gian vô biên. Nếu Ngài không làm xong công nghiệp của mình trong một đời hay nhiều đời, Ngài sẵn sàng tái sinh trong thời gian vô số, cho đến bao giờ thời gian cùng tận. Mỗi trường hành động của Ngài không chỉ giới hạn trong thế gian của chúng ta ở đây. Có vô số thế giới tràn ngập cả hư không biên tế, ngài cũng sẽ hiện thân khắp ở đó, cho đến khi nào đạt đến mức mà mọi chúng sinh với mọi căn cơ thảy đều thoát khỏi vô minh và ngã chấp.

10, Khái niệm Bồ Đề tâm là một trong những tiêu chí quan trọng phân biệt Đại Thừa và Tiểu Thừa: Tính cách khép kín của tổ chức Tăng lữ làm tiêu hao sinh lực Phật pháp. Khi thế hệ đó ngự trị, Phật pháp hạn chế ích lợi của nó trong một nhóm khổ tu đặc biệt. Nói đến Tiểu Thừa, không phải chỉ chừng đó. Công kích nặng nhất mà nói, Tiểu thừa chận đứng sự sinh trưởng của hạt giống tâm linh được vun trồng trong tâm của mọi loài hữu tình; đáng lẽ phải sinh trưởng trong sự phát khởi Bồ Đề tâm. Tâm đó khát vọng không bao giờ bị khô héo vì sương giá lạnh lùng của cái giác ngộ trí năng. Khát vọng này kết chặt gốc rễ, và sự giác ngộ phải thỏa mãn những yêu sách của nó. Các hoạt động không hề mệt mỏi của Bồ tát là kết quả của lòng ngưỡng vọng đó, và chính cái đó duy trì tinh thần của Đại Thừa vô cùng sống động.

Thứ Bảy là 10 điều lành mà chư Bồ tát làm lợi ích cho chúng sinh ở cõi Ta Bà:

Theo Kinh Duy Ma Cật, Phẩm thứ Mười, Duy Ma Cật nói: "*Bồ Tát ở cõi Ta Bà này đối với chúng sinh, lòng đại bi bền chắc thật đúng như lời các Ngài đã ngợi khen. Mà Bồ tát ở cõi này lợi ích cho chúng sinh trong một đời còn hơn trăm ngàn kiếp tu hành ở cõi nước khác. Vì sao? Vì cõi Ta Bà này có mười điều lành mà các Tịnh Độ khác không có.*"

1, Dùng bố thí để nhiếp độ kẻ nghèo nàn.

2, Dùng tịnh giới để nhiếp độ người phá giới.

3, Dùng nhẫn nhục để nhiếp độ kẻ giận dữ.

4, Dùng tinh tấn để nhiếp độ kẻ giải đãi.

5, Dùng thiền định để nhiếp độ kẻ loạn ý.

6, Dùng trí tuệ để nhiếp độ kẻ ngu si.

7, Nói pháp trừ nạn để độ kẻ bị tám nạn.

8, Dùng pháp đại thừa để độ kẻ ưa pháp tiểu thừa.

9, Dùng các pháp lành để cứu tế người không đức.

10, Thường dùng tứ nhiếp để thành tựu chúng sinh.

Thứ Tám là 10 điều tâm niệm của Bồ tát:

1, Nghĩ đến thân thể thì đừng cầu không bệnh khổ, vì không bệnh khổ thì dục vọng dễ sinh.

2, Ở đời thì đừng cầu không hoạn nạn, vì không hoạn nạn thì kiêu xa nổi dậy.

Nếu như chúng ta cứ sống mãi trong cảnh thanh nhàn, như ý, không bị đời dằn vặt, lại chẳng bị vướng ít nhiều sự khổ não, ưu phiền, tất tâm sẽ sinh ra các niệm khinh mạn, kiêu sa; từ đó mà kết thành vô số tội lỗi. Phật tử chân thuần phải nhân nơi hoạn nạn mà thức tỉnh cơn trường mộng và chiêm nghiệm được lời Phật dạy là đúng. Do đó mà phát tâm tinh chuyên tu hành cầu giải thoát.

3, Cứu xét tâm tính thì đừng cầu không khúc mắc, vì không khúc mắc thì sở học không thấu đáo.

4, Xây dựng đạo hạnh thì đừng cầu không bị ma chướng, vì không bị ma chướng thì chí nguyện không kiên cường.

5, Việc làm thì đừng mong dễ thành, vì việc dễ thành thì lòng hay khinh thường kiêu ngạo.

6, Giao tiếp thì đừng cầu lợi mình, vì lợi mình thì mất đi đạo nghĩa.

7, Với người thì đừng mong tất cả đều thuận theo ý mình, vì được thuận theo ý mình thì lòng tất kiêu căng.

8, Thi ân thì đừng cầu đền đáp, vì cầu đền đáp là thi ân có mưu đồ.

9, Thấy lợi thì đừng nhúng vào, vì nhúng vào thì si mê phải động.

10, Oan ức không cần biện bạch, vì còn biện bạch là nhân ngã chưa xả.

Chính vì vậy mà đức Phật dạy trong Luận Bảo Vương Tam Muội: Lấy bịnh khổ làm thuốc thần. Lấy hoạn nạn làm giải thoát. Lấy khúc mắc làm thú vị. Lấy ma quân làm bạn đạo. Lấy khó khăn làm thích thú. Lấy kẻ tệ bạc làm người giúp đở. Lấy người chống đối làm nơi giao du. Coi thi ân như đôi dép bỏ. Lấy sự xả lợi làm vinh hoa. Lấy oan ức làm cửa ngõ đạo hạnh.

Thứ Chín là 10 sinh địa đích thực của chư Bồ tát:

Theo Thiền Sư D.T. Suzuki trong Thiền Luận Tập III, chư Bồ Tát có mười sinh địa đích thực:

1, Nơi nào có tâm Bồ Đề được phát khởi, nơi đó là quốc độ của Bồ Tát, vì tâm Bồ Đề là quyến thuộc của Bồ Tát.

2, Nơi nào có thâm tâm, nơi đó là quốc độ của Bồ tát, vì đó là nơi xuất sinh các thiện tri thức.

3, Nơi nào có chứng nhập các trụ địa, nơi đó là quốc độ của Bồ Tát, vì đó là nơi sinh trưởng hết thảy các Ba La Mật.

4, Nơi nào có phát đại nguyện, nơi đó là quốc độ của Bồ Tát, vì đó là nơi thi hành công hạnh.

5, Nơi nào có đại từ, nơi đó là quốc độ của Bồ Tát, vì đó là nơi phát triển Tứ Nhiếp Pháp.

6, Nơi nào có chính kiến, nơi đó là quốc độ của Bồ Tát, vì là nơi trí tuệ siêu việt trỗi dậy.

7, Nơi nào Đại Thừa quảng bá, nơi đó là quốc độ của Bồ Tát, vì là nơi hết thảy các phương tiện thiện xảo được vận dụng.

8, Nơi nào có giáo hóa chúng sinh, nơi đó là quốc độ của Bồ tát, vì là nơi hết thảy chư Phật giáng sinh.

9, Nơi nào có phương tiện trí, nơi đó là quốc độ của Bồ Tát, vì là nơi nhận biết rằng hết thảy các pháp đều không sinh.

10, Nơi nào có tu tập hết thảy các giáo thuyết của Phật, nơi đó là quốc độ của Bồ Tát, vì là nơi mà hết thảy chư Phật trong quá khứ, hiện tại và vị lai giáng sinh.

Thứ Mười là trên bước đường tu tập, Bồ tát có 20 cha mẹ và quyến thuộc:

Theo Thiền Sư D.T. Suzuki trong Thiền Luận Tập III, chư Bồ tát có hai mươi cha mẹ và quyến thuộc:

1, Bát Nhã là mẹ.

2, Phương tiện là cha.

3, Bố thí là người nuôi nấng.

4, Trì giới là người trông nom hộ trì.

5, Nhẫn nhục là đồ trang sức.

6, Tinh tấn là người thủ hộ.

7, Thiền định là người tắm rửa.

8, Thiện hữu tri thức là người dạy dỗ.

9, Các Bồ Đề phần là bạn đồng hành.

10, Chư Bồ Tát là anh em.

11, Bồ Đề tâm là nhà cửa.

12, Đi đúng theo chính đạo là cách hành xử tại nhà.

13, Các trụ địa là chỗ ở.

14, Các pháp nhẫn là gia tộc.

15, Các nguyện là gia giáo.

16, Thực hành công hạnh là gia nghiệp.

17, Khiến kẻ khác chấp nhận Đại Thừa là gia vụ.

18, Được thọ ký trong một đời nữa là số phận của Ngài như vị thái tử nối nghiệp trong vương quốc chính pháp.

19, Các Ba La Mật là con thuyền Bát Nhã đưa Ngài đáo bỉ ngạn Giác Ngộ.

20, Thành tựu trí tuệ viên mãn của Như Lai là nền tảng của gia quyến thanh tịnh của Ngài.

1. Sự tu hành của chư đại Bồ tát

Tổng quan về sự tu hành trong Phật giáo: Trong tu tập Phật giáo, Phật tử thường có truyền thống tôn Phật kính Tăng, và bày tỏ lòng tôn kính với xá lợi Phật, những biểu tượng tôn giáo như hình ảnh, tịnh xá hay tự viện. Tuy nhiên, người Phật tử phải cố gắng tự tu tự chứng và chẳng bao giờ thờ ngẫu tượng. Tu hành trong Phật giáo có nghĩa là thực hành những giáo pháp của đức Phật trên căn bản liên tục và đều đặn. Tu tập trong Phật giáo cũng có nghĩa là trưởng dưỡng Bồ Đề bằng cách tu tập giới, định, tuệ. Như vậy tu tập trong Phật giáo không chỉ thuần là ngồi thiền hay niệm Phật, mà nó bao gồm cả việc tu tập lục ba la mật, thập ba la mật, hay ba mươi bảy phẩm trợ đạo,..

Đối với Phật tử, sự tu hành chân chính không thể nào tự khinh mà không cố gắng hết mình. Theo Kinh Pháp Bảo Đàn, Lục Tổ Huệ Năng dạy: *"Này thiện tri thức! Nếu người tu hạnh bất động, chỉ khi thấy tất cả người, không thấy việc phải quấy, tốt xấu, lỗi lầm của người tức là tự tính bất động. Này thiện tri thức! Người mê thân tuy bất động, mở miệng liền nói việc phải quấy, hay dở, tốt xấu của người, tức là cùng đạo đã trái nhau, chấp tâm, chấp tịnh tức là chướng đạo."*

Theo Phật giáo, vận mệnh của chúng ta hoàn toàn tùy thuộc vào hành động của chính chúng ta; nói cách khác, chúng ta chính là những nhà kiến trúc ngôi nhà nghiệp của chính chúng ta. Tu theo Phật là tự mình chuyển nghiệp. Chuyển nghiệp là chẳng những phải bỏ mọi tật xấu của chính mình, mà cũng đừng quan tâm đến những hành động xấu của người khác. Chúng ta không thể nào đổ lỗi cho ai khác về những khổ đau và bất hạnh của chính mình. Chúng ta phải đối diện với cuộc sống chứ không bỏ chạy, vì có chỗ nào trên quả đất này là chỗ

cho chúng ta chạy trốn nghiệp của mình đâu. Vì thế chúng ta phải chuyển nghiệp bằng cách tu tập các hạnh lành để mang lại hạnh phúc cho chính mình, hơn là cầu xin hoặc sám hối.

Chuyển nghiệp là thường nhớ tới nghiệp, phải dùng trí tuệ để phân biệt thiện ác, lành dữ, tự do và trói buộc để tránh nghiệp ác, làm nghiệp lành, hay không tạo nghiệp nào cả. Chuyển nghiệp còn là thanh lọc tự tâm hơn là cầu nguyện, nghi lễ cúng kiến hay tự hành xác. Ngoài ra, chuyển nghiệp còn là chuyển cái tâm hẹp hòi ích kỷ thành cái tâm mến thương rộng lớn và thành tựu tâm từ bi bằng cách thương xót chúng sinh mọi loài. Nói cách khác, chuyển nghiệp là thành tựu tứ vô lượng tâm, đặc biệt là hai tâm từ và bi. Phật tử chân thuần nên luôn nhớ rằng trong đời này ai cũng phải một lần chết, hoặc sớm hoặc muộn; khi chết, không ai mang theo được bất cứ thứ gì của trần tục, chỉ có nghiệp lành hay nghiệp dữ do mình tạo ra sẽ phải theo mình như hình với bóng mà thôi.

Sự tu hành của chư đại Bồ tát: Theo Phật giáo, chẳng những phàm nhân không thể thoát khỏi nhân quả, mà ngay cả chư Bồ tát cũng chẳng thể tránh được. Tuy nhiên, chư Bồ tát là những chúng hữu tình giác ngộ nên các Ngài có cái nhìn xa. Trong tu tập, các Ngài luôn biết chắc gieo nhân xấu sẽ phải gặt quả xấu, không sao tránh được. Chính vì thế mà Bồ tát sợ quả ác về sau, cho nên chẳng những tránh gieo ác nhân trong hiện tại, mà còn tinh tấn tu hành cho nghiệp chướng chóng tiêu trừ, đầy đủ công đức để cuối cùng đạt thành Phật quả. Còn chúng sinh vì vô minh che mờ tâm tính nên tranh nhau gây tạo lấy ác nhân, vì thế mà phải bị nhận lấy ác quả. Trong khi chịu quả, lại không biết ăn năn sám hối, nên chẳng những sinh tâm oán trách trời người, mà lại còn gây tạo thêm nhiều điều ác độc khác nữa để chống đối.

Vì thế cho nên oan oan tương báo mãi không thôi. Phật tử thuần thành nên luôn nhớ rằng hễ trồng nhiều nhân tốt thì chắc chắn sau này mình sẽ có được quả tốt. Ngược lại, nếu chúng ta chỉ nhìn vào những việc trước mắt, làm những việc bất nhân bất nghĩa, không chịu vun trồng thiện căn, không chịu tích tụ công đức, thì chắc chắn sẽ gánh lấy hậu quả tệ hại, không có ngoại lệ. Hành giả nên luôn nhớ rằng muôn sự trên đời này, khó nhất là lúc ban đầu, nhưng chuyến đi ngàn dặm cũng chỉ bắt đầu với một bước đi ngắn đầu tiên. Vì thế mà chúng ta phải bắt đầu ngay lúc này, ngay bây giờ, chứ đừng chờ đừng đợi, vì thời gian chẳng chờ chẳng đợi một ai!

Chư Bồ tát có rất nhiều pháp tu hành; tuy nhiên, trong khuôn khổ hạn hẹp của tập sách nhỏ này, chúng ta chỉ có thể đề cập đến một vài sự tu hành tiêu biểu của các Ngài mà thôi. Theo Kinh Hoa Nghiêm, Phẩm 38, có 10 điều tu của chư đại Bồ tát: Chư Bồ tát an trụ trong pháp này thời tu được đạo quả vô thượng và

đạt được tất cả các pháp. Mười điều tu này bao gồm: tu các môn Ba La Mật, tu học, tu huệ, tu nghĩa, tu pháp, tu thoát ly, tu thị hiện, tu siêng thực hành chẳng lười, tu thành chính đẳng chính giác, và tu chuyển chính pháp luân.

Bên cạnh đó, theo Kinh Hoa Nghiêm, phẩm 21 (Thập Hạnh), có mười hạnh Bồ tát mà chư Phật đã tuyên thuyết trong tam thế. Mười hạnh tu này bao gồm hoan hỷ hạnh, nhiêu ích hạnh, vô vi nghịch hạnh, vô khuất nhiễu hạnh, vô si loạn hạnh, thiện hiện hạnh, vô trước hạnh, nan đắc hạnh, thiện pháp hạnh, và chân thật hạnh.

Theo Kinh Hoa Nghiêm, phẩm 38, có mười điều rời bỏ ma nghiệp của chư đại Bồ tát. Chư Bồ tát an trụ trong 10 pháp này thời có thể ra khỏi tất cả ma đạo:

Thứ nhất là gần thiện tri thức, cung kính cúng dường.

Thứ nhì là chẳng tự cao tự đại, chẳng tự khen ngợi.

Thứ ba là tin hiểu thâm pháp của Phật mà chẳng hủy báng.

Thứ tư là chẳng bao giờ quên mất tâm nhất thiết trí.

Thứ năm là siêng tu diệu hạnh, hằng chẳng phóng dật.

Thứ sáu là thường cầu tất cả pháp dành cho Bồ tát.

Thứ bảy là hằng diễn thuyết chính pháp, tâm không nhàm mỏi.

Điều rời bỏ ma nghiệp thứ tám bao gồm quy y tất cả chư Phật mười phương và nghĩ đến chư Phật như những vị cứu hộ.

Thứ chín là tin thọ ức niệm tất cả chư Phật thần lực gia trì.

Thứ mười là cùng tất cả Bồ tát đồng gieo căn lành bình đẳng không hai.

Hơn nữa, theo lời Phật dạy trong Kinh Hoa Nghiêm, Phẩm 38, Chư Bồ tát có 10 thứ hạnh giúp họ được đại trí huệ vô thượng của Chư Như Lai:

Thứ nhất là hạnh tu tập vì tất cả chúng sinh, vì nhờ đó mà làm cho khắp cả được thành thục.

Thứ nhì là hạnh tu tập tất cả các pháp, vì nhờ đó mà tu học tất cả.

Thứ ba là hạnh tu tập tất cả các thiện căn và khiến cho chúng tăng trưởng.

Thứ tư là hạnh tu tập Tam muội vì nhờ đó mà được nhất tâm bất loạn.

Thứ năm là hạnh tu tập thực hành trí tuệ vì nhờ đó mà không có chi là chẳng rõ chẳng biết.

Thứ sáu là hạnh tu tập tất cả, do đó mà không chi là không tu được.

Thứ bảy là hạnh tu tập nương nơi tất cả Phật sát (Phật độ hay Phật quốc), vì thảy đều trang nghiêm.

Thứ tám là hạnh tu tập tôn trọng và hỗ trợ tất cả thiện hữu tri thức.

Thứ chín là hạnh tu tập tôn kính và cúng dường chư Như Lai.

Thứ mười là hạnh tu tập thần thông biến hóa, vì nhờ đó mà có thể biến hóa tự tại để hóa độ chúng sinh.

Cũng theo Kinh Hoa Nghiêm, Phẩm 38, có 10 luật nghi của chư đại Bồ tát: Chư Bồ tát an trụ trong pháp này thời được luật nghi đại trí vô thượng.

Thứ nhất là chẳng hủy báng Phật pháp.

Thứ nhì là tín tâm nơi chư Phật chẳng hoại diệt.

Thứ ba là tôn trọng cung kính tất cả Bồ tát.

Thứ tư là chẳng bỏ tâm mến thích tất cả thiện tri thức.

Thứ năm là chẳng móng lòng ghi nhớ những Thanh Văn Độc Giác.

Thứ sáu là xa lìa tất cả những thối chuyển Bồ tát đạo.

Thứ bảy là chẳng khởi tất cả tâm tổn hại chúng sinh.

Thứ tám là tu tất cả thiện căn đều khiến rốt ráo.

Thứ chín là có thể hàng phục chúng ma.

Thứ mười là làm cho đầy đủ tất cả Ba-La-Mật.

Lại cũng theo Kinh Hoa Nghiêm, Phẩm 38, có mười pháp tu hành của chư đại Bồ tát. Chư Bồ tát an trụ trong pháp này thời

được pháp tu hành vô thượng của Như Lai:

Thứ nhất là cung kính tôn trọng chư thiện tri thức.

Thứ nhì là thường được chư Thiên cảnh giác.

Thứ ba là trước chư Phật thường biết tàm quí.

Thứ tư là thương xót chúng sinh và chẳng bỏ sinh tử.

Thứ năm là thực hành công việc đến rốt ráo mà tâm không biến động.

Pháp tu hành thứ sáu bao gồm chuyên niệm theo dõi chúng Bồ tát, phát tâm đại thừa, và tinh cần tu học.

Pháp tu hành thứ bảy bao gồm xa lìa tà kiến và siêng cầu chính đạo.

Thứ tám là dẹp phá chúng ma và nghiệp phiền não.

Pháp tu hành thứ chín bao gồm biết căn tính của chúng sinh và vì họ mà thuyết pháp cho họ được an trụ nơi Phật địa.

Pháp tu hành thứ mười bao gồm an trụ trong pháp giới quảng đại vô biên và diệt trừ phiền não và thanh tịnh nơi thân.

Bồ tát đạo

Bồ tát đạo là con đường mà vị Bồ tát phải đi qua. Đây là những giai đoạn mà một vị Bồ tát kinh qua trên đường giác ngộ. Trên con đường này Bồ tát hành tự lợi, lợi tha, để đi đến giác hạnh viên mãn. Nói cách khác, chư Bồ tát hành thượng cầu Phật đạo, hạ hóa chúng sinh.

Thứ Nhất là 10 đạo của chư Bồ tát:

Bồ tát đạo là một trong năm con đường dạy tu hành theo Lục độ Ba la mật để tự giác và giác tha (nhị lợi: tự lợi lợi tha). Mục đích chính là cứu độ chúng sinh và thành Phật quả. Vì mục đích của những người tu theo Bồ tát đạo là đạt tới Phật tính tối thượng, nên Bồ tát đạo cũng còn được gọi là Phật đạo hay Như Lai đạo. Đây là con đường mà hành giả tu hành tự lợi, lợi tha, giác hạnh viên mãn, hoặc "*Thượng cầu Phật đạo, hạ hóa chúng sinh*."

Theo kinh Hoa Nghiêm, Phẩm 38, có mười 10 đạo của chư đại Bồ tát. Chư Bồ tát an trụ trong mười đạo này thời được đạo phương tiện thiện xảo vô thượng của

tất cả Như Lai.

Nhất đạo là Bồ tát đạo, vì chẳng bỏ Bồ Đề tâm độc nhất.

Nhị đạo là Bồ tát đạo, vì xuất sinh trí tuệ và phương tiện.

Tam đạo là Bồ tát đạo vì chư Bồ tát thực hành những pháp sau đây: không, vô tướng, vô nguyện, và chẳng nhiễm trước tam giới.

Tứ Hạnh là Bồ tát đạo bao gồm sám trừ tội chướng không thôi nghỉ; tùy hỷ phước đức không thôi nghỉ; cung kính tôn trọng khuyến thỉnh Như Lai không thôi nghỉ; và thiện xảo hồi hướng không thôi nghỉ.

Ngũ Căn là Bồ tát đạo ba gồm an trụ tịnh tín; khởi đại tinh tấn, việc làm rốt ráo; một bề chính niệm, không phan duyên khác lạ; khéo biết tam muội, nhập xuất phương tiện; và hay khéo phân biệt cảnh giới trí tuệ.

Lục Thông là Bồ tát đạo: Với gồm thiên nhãn thấy rõ những hình sắc của tất cả thế giới, biết các chúng sinh chết đây sinh kia; với thiên nhĩ nghe rõ chư Phật thuyết pháp, thọ trì ghi nhớ, rộng vi chúng sinh tùy căn cơ để khai diễn; với tha tâm thông hay biết tâm người tự tại vô ngại; với túc mạng thông, nhớ biết rõ tất cả kiếp số quá khứ, thêm lớn căn lành; với thần túc thông, tùy theo những chúng sinh đáng được hóa độ, vì họ mà biến hiện nhiều thứ cho họ thích mến chính pháp; và với lậu tận trí hiện chứng thực tế khởi Bồ tát hạnh chẳng đoạn diệt.

Thất Niệm là Bồ tát đạo: Chư Bồ tát niệm Phật ở một lỗ lông thấy vô lượng Phật khai ngộ tất cả tâm chúng sinh. Chư Bồ tát niệm Pháp, chẳng rời chúng hội của các đức Như Lai. Chư Bồ tát ở trong chúng hội của tất cả Như Lai, thân thừa diệu pháp, tùy căn tính dục lạc của các chúng sinh mà diễn thuyết cho họ được ngộ nhập. Chư Bồ tát niệm Tăng, luôn nối tiếp thấy không thôi dứt, nơi tất cả thế gian thấy Bồ tát. Chư Bồ tát niệm xả, biết rất rõ tất cả Bồ tát hạnh xả tăng trưởng, tâm bố thí rộng lớn. Chư Bồ Tát niệm giới, chẳng bỏ tâm Bồ Đề, đem tất cả thiện căn hồi hướng chúng sinh. Chư Bồ Tát niệm thiên, thường ghi nhớ Bồ tát Nhất Tâm Bổ Xứ tại Đâu Suất Thiên cung. Chư Bồ tát niệm chúng sinh, trí tuệ phương tiện giáo hóa điều phục đến khắp tất cả không gián đoạn.

Tùy thuận Bồ Đề Bát Thánh Đạo là Bồ tát đạo: Chư Đại Bồ tát thực hành đạo Chính kiến, xa lìa tất cả tà kiến. Chư Đại Bồ Tát khởi chính tư duy, bỏ vọng phân biệt, tâm thường tùy thuận nhất thiết trí. Chư Đại Bồ tát thường thực hành chính ngữ, rời lỗi ngữ nghiệp, tùy thuận Thánh ngôn. Chư Đại Bồ tát hằng tu chính nghiệp, giáo hóa chúng sinh, khiến cho họ được điều phục. Chư Đại Bồ tát an trụ chính mạng, đầu đà tri túc, oai nghi thẩm chính, tùy thuận Bồ Đề, thực hành

Thánh chủng, tất cả lỗi lầm đều rời hẳn.

Chư Đại Bồ Tát khởi chính tinh tấn, siêng tu tất cả khổ hạnh của Bồ tát, nhập thập lực của Phật không chướng ngại. Chư Đại Bồ tát tâm thường chính niệm, đều có thể ghi nhớ tất cả những ngôn âm, trừ diệt tâm tán động của thế gian. Chư Đại Bồ tát tâm thường chính định, khéo nhập môn Bồ tát bất tư nghì giải thoát, ở trong một tam muội xuất sinh tất cả môn tam muội.

Nhập Cửu Thứ Đệ Định là Bồ tát đạo: Chư Đại Bồ tát rời dục nhiễm sân hại mà dùng tất cả ngữ nghiệp thuyết pháp vô ngại. Chư Đại Bồ tát diệt trừ tư duy (giác), mà dùng tất cả trí tư duy (giác) giáo hóa chúng sinh. Chư Đại Bồ tát dầu trừ quán sát, mà dùng tất cả trí quán sát giáo hóa chúng sinh. Chư Đại Bồ tát xả ly hỷ ái mà thấy tất cả chư Phật lòng rất hoan hỷ. Chư Đại Bồ tát rời thế gian lạc mà tùy thuận Bồ tát đạo xuất thế lạc. Chư Đại Bồ tát nhập sắc định mà chẳng bỏ thọ sinh nơi dục giới. Chư Đại Bồ tát nhập vô sắc định mà chẳng bỏ thọ sinh nơi dục giới và sắc giới. Chư Đại Bồ tát dầu trụ trong diệt tưởng định, mà cũng chẳng dứt Bồ tát hạnh. Chư Đại Bồ tát dầu trụ trong diệt thọ định, mà cũng chẳng dứt Bồ tát hạnh.

Học Thập Phật Lực là Bồ tát đạo: Trí của chư Đại Bồ tát khéo biết thị xứ phi xứ. Trí của chư Đại Bồ tát khéo biết nghiệp báo nhân quả, quá khứ, vị lai và hiện tại của tất cả chúng sinh. Trí của chư Đại Bồ tát khéo biết căn cơ của tất cả chúng sinh chẳng đồng mà tùy nghi thuyết pháp. Trí của chư Đại Bồ tát khéo biết tất cả chúng sinh có vô lượng tính. Trí của chư Đại Bồ tát khéo biết tất cả chúng sinh kiến giải sai biệt, mà làm cho họ nhập vào pháp phương tiện. Trí của chư Đại Bồ tát biết khắp tất cả thế gian, tất cả cõi, tất cả tam thế, tất cả kiếp, hiện khắp hình tướng oai nghi của Như Lai, mà cũng chẳng bỏ việc làm của Bồ tát. Trí của chư Đại Bồ tát khéo biết tất cả thiền, giải thoát, và các tam muội, hoặc cấu hoặc tịnh, thời cùng phi thời, chỉ là những phương tiện xuất sinh cho Bồ tát giải thoát môn. Trí của chư Đại Bồ tát biết tất cả chúng sinh ở trong các loài chết đây sinh kia sai khác nhau. Trí của chư Đại Bồ tát ở trong một niệm đều biết tam thế tất cả kiếp số. Trí của chư Đại Bồ tát khéo biết tất cả chúng sinh lạc dục, phiền não, nghi hoặc, tập khí đều diệt hết, mà chẳng rời bỏ hạnh Bồ tát.

Thứ Nhì là 10 đạo ly sinh của chư đại Bồ tát: Theo Kinh Hoa Nghiêm, Phẩm 38, có mười đạo ly sinh của chư Đại Bồ tát. Chư Bồ tát an trụ trong pháp này thời được pháp quyết định của Bồ tát.

Thứ nhất là xuất sinh Bát Nhã Ba La Mật, mà luôn quán sát tất cả chúng sinh.

Thứ nhì là xa rời những kiến chấp mà độ thoát tất cả chúng sinh bị kiến chấp ràng buộc.

Thứ ba là chẳng tưởng niệm tất cả tướng, mà chẳng bỏ tất cả chúng sinh chấp tướng.

Thứ tư là siêu quá tam giới, mà thường ở tại tất cả thế giới.

Thứ năm là rời hẳn phiền não, mà ở chung với tất cả chúng sinh.

Thứ sáu là đắc pháp ly dục mà thường dùng đại bi thương xót tất cả chúng sinh nhiễm trước dục lạc.

Thứ bảy là thường thích tịch tịnh, mà luôn thị hiện tất cả quyến thuộc.

Thứ tám là rời sinh thế gian, mà chết đây sinh kia khởi hạnh Bồ tát.

Thứ chín là chẳng nhiễm tất cả pháp thế gian, mà chẳng dứt tất cả việc làm của thế gian.

Thứ mười là chư Phật Bồ Đề đã thị hiện ra trước mà chẳng bỏ tất cả hạnh nguyện của Bồ Tát.

Thứ Ba là 10 đạo trang nghiêm của chư đại Bồ tát:

Theo Kinh Hoa Nghiêm, Phẩm 38, có mười đạo trang nghiêm của chư Đại Bồ Tát. Chư Bồ Tát an trụ trong pháp này thời được đạo đại trang nghiêm vô thượng của Như Lai, cũng chẳng bỏ Bồ tát đạo.

Thứ nhất là đại Bồ tát chẳng rời dục giới mà nhập sắc giới, vô sắc giới thiền định, giải thoát và các tam muội, cũng chẳng nhân đây mà thọ sinh.

Thứ nhì là trí tuệ hiện tiền nhập Thanh Văn đạo, nhưng chẳng do đạo này mà chứng lấy quả xuất ly.

Thứ ba là trí tuệ hiện tiền nhập Bích Chi Phật đạo, mà phát khởi đại bi chẳng thôi dứt.

Thứ tư là dầu có quyến thuộc nhân thiên vây quanh, trăm ngàn thể nữ ca múa hầu hạ, mà chưa từng tạm bỏ thiền định, giải thoát, và các tam muội.

Thứ năm là cùng tất cả chúng sinh thọ những dục lạc, cùng nhau vui đùa, mà vẫn chưa từng tạm trong một niệm rời bỏ Bồ tát bình đẳng tam muội.

Thứ sáu là đã đến bỉ ngạn, không còn chấp trước thế gian pháp, mà cũng chẳng bỏ hạnh cứu độ chúng sinh.

Thứ bảy là an trụ trong chính đạo, chính trí và chính kiến, mà hay thị hiện vào tất cả tà đạo, chẳng lấy làm thiệt, chẳng chấp làm tịnh, làm cho chúng sinh đó xa rời tà pháp.

Thứ tám là thường khéo hộ trì tịnh giới của Như Lai, ba nghiệp thân, khẩu, ý không lầm lỗi, vì muốn giáo hóa chúng sinh phạm giới nên thị hiện làm tất cả hạnh phàm phu. Dầu đã đầy đủ phước đức thanh tịnh trụ bực Bồ tát, mà thị hiện sinh nơi tất cả địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ, cùng những chỗ hiểm nạn bần cùng, làm cho những chúng sinh đó đều được giải thoát. Kỳ thật, Bồ Tát chẳng sinh vào những loài đó.

Thứ chín là chẳng do người dạy mà được vô ngại biện, trí tuệ quang minh, có thể chiếu rõ khắp cả Phật pháp, được thần lực của tất cả Như Lai hộ trì đồng một pháp thân với tất cả chư Phật, thành tựu tất cả pháp kiên cố, bí mật, minh tịnh của bực đại nhân, an trụ những thừa giải thoát bình đẳng, cảnh giới chư Phật đều hiện ra, đầy đủ tất cả thế trí quang minh, soi thấy tất cả chúng sinh giới, có thể vì chúng sinh mà làm tri pháp sư, thị hiện cầu chính pháp không thôi dứt, dầu thật làm vô thượng sư cho chúng sinh mà thị hiện tôn kính a-xà-lê. Vì đại Bồ tát thiện xảo phương tiện trụ Bồ tát đạo, tùy theo sở nghi đều vì chúng sinh mà thị hiện.

Đạo trang nghiêm thứ mười bao gồm thiện căn đầy đủ, công hạnh rốt ráo. Tất cả Như Lai cùng chung quán đảnh đến bỉ ngạn tất cả pháp tự tại; lụa pháp vô ngại dùng đội trên đầu. Thân hình đến khắp tất cả thế giới, hiện khắp thân vô ngại của Như Lai; nơi pháp tự tại rốt ráo tối thượng; chuyển pháp luân vô ngại thanh tịnh; tất cả pháp tự tại của Bồ tát đều đã thành tựu. Nhưng vì chúng sinh nên thị hiện thọ sinh nơi tất cả các quốc độ. Đồng một cảnh với tất cả chư Phật trong ba đời mà vẫn chẳng phế hạnh Bồ tát, chẳng bỏ pháp Bồ tát, chẳng xao lãng nghiệp Bồ tát, chẳng rời đạo Bồ tát, chẳng lơi oai nghi Bồ tát, chẳng dứt những chấp thủ của Bồ tát, chẳng thôi phương tiện thiện xảo Bồ tát, chẳng tuyệt việc làm của Bồ tát, chẳng nhàm hoạt động phát triển của Bồ tát, chẳng dừng sức trụ trì của Bồ tát. Tại sao? Vì Bồ tát muốn mau chóng chứng vô thượng Bồ Đề nên quán môn nhất thiết trí và tu hạnh Bồ tát không thôi nghỉ.

Thứ Tư là 10 đạo xuất sinh Phật pháp của chư đại Bồ tát:

Theo kinh Hoa Nghiêm, Phẩm 38, có mười đạo xuất sinh. Chư Bồ Tát an trụ trong pháp này thời được mười danh hiệu đại trượng phu.

Thứ nhất là tùy thuận thiện hữu là đạo xuất sinh Phật pháp, vì họ đồng gieo căn lành.

Thứ nhì là thâm tâm tin hiểu là đạo xuất sinh Phật pháp, vì biết Phật tự tại.

Thứ ba là phát thệ nguyện lớn là đạo xuất sinh Phật pháp, vì tâm họ rộng rãi.

Thứ tư là nhẫn thọ thiện căn của mình là đạo xuất sinh Phật pháp, vì biết nghiệp chẳng mất.

Thứ năm là tất cả kiếp tu hành không nhàm đủ là đạo xuất sinh Phật pháp, vì biết đến tột thuở vị lai.

Thứ sáu là vô số thế giới đều thị hiện là đạo xuất sinh Phật pháp, vì thành thục chúng sinh.

Thứ bảy là chẳng dứt Bồ tát hạnh là đạo xuất sinh Phật pháp, vì tăng trưởng Đại bi.

Thứ tám là vô lượng tâm là đạo xuất sinh Phật pháp, vì một niệm khắp tất cả hư không giới.

Thứ chín là hạnh thù thắng là đạo xuất sinh Phật pháp, vì công hạnh đã tu không hư mất.

Thứ mười là Như Lai chủng là đạo xuất sinh Phật pháp, vì làm cho tất cả chúng sinh thích phát tâm Bồ Đề dùng tất cả pháp lành giúp đỡ giữ gìn.

Thứ Năm là 10 vô lượng đạo của chư đại Bồ tát:

Theo Kinh Hoa Nghiêm, Phẩm 38, có mười vô lượng đạo của chư Đại Bồ Tát.

Thứ nhất là vì hư không vô lượng, nên Bồ tát đạo cũng vô lượng.

Thứ nhì là vì pháp giới vô biên, nên Bồ tát đạo cũng vô lượng.

Thứ ba là vì chúng sinh giới vô tận, nên Bồ tát đạo cũng vô lượng.

Thứ tư là vì thế giới vô tế, nên Bồ tát đạo cũng vô lượng.

Thứ năm là vì kiếp số bất khả tận, nên Bồ tát đạo cũng vô lượng.

Thứ sáu là vì pháp ngữ ngôn của tất cả chúng sinh vô lượng, nên Bồ tát đạo cũng vô lượng.

Thứ bảy là vì Như Lai thân vô lượng, nên Bồ tát đạo cũng vô lượng.

Thứ tám là vì Phật âm thanh vô lượng, nên Bồ tát đạo cũng vô lượng.

Thứ chín là vì Như Lai lực vô lượng, nên Bồ tát đạo cũng vô lượng.

Thứ mười là vì nhất thiết chủng trí vô lượng, nên Bồ tát đạo cũng vô lượng.

Thứ Sáu là 10 vô lượng đạo hạnh tu tập của chư đại Bồ tát:

Theo Kinh Hoa nghiêm, Phẩm 38, có mười vô lượng đạo hạnh tu tập của chư Đại Bồ Tát. Chư Bồ tát an trụ trong pháp này thời được hạnh tu thiện xảo vô thượng nhất thiết trí của chư Như Lai.

Thứ nhất là Bất lai bất khứ, là hạnh tu của Bồ tát, vì ba nghiệp thân, khẩu, ý đều không động tác.

Thứ nhì là Phi hữu phi vô, là hạnh tu của Bồ tát, vì không tự tính.

Thứ ba là Bất tăng bất giảm là hạnh tu của Bồ tát, vì như bản tính.

Thứ tư là Như huyễn, như mộng, như ảnh, như hưởng, như bóng trong gương, như ánh nắng khi trời quá nóng, như mặt trăng trong nước, là hạnh tu của Bồ tát, vì rời lìa tất cả chấp trước.

Thứ năm là Không, vô tướng, vô nguyện, vô tác, là hạnh tu của Bồ tát, vì thấy rõ ba cõi, mà tích chứa phước đức chẳng thôi dứt.

Thứ sáu là Bất khả thuyết, vô ngôn thuyết, ly ngôn thuyết, là hạnh tu của Bồ tát, vì xa rời mọi định nghĩa an lập.

Thứ bảy là Bất hoại pháp giới là hạnh tu của Bồ tát, vì trí huệ hiện biết tất cả pháp.

Thứ tám là Bất hoại chân như thực tế, là hạnh tu của Bồ tát, vì vào khắp chân như thực tế hư không tế.

Thứ chín là Trí tuệ quảng đại, là hạnh tu của Bồ tát, vì bao nhiêu việc làm năng lực vô tận.

Thứ mười là An trụ nơi thập lực, tứ vô úy của Như Lai, nhất thiết chủng trí bình đẳng, là hạnh tu của Bồ tát, vì hiện thấy tất cả pháp không nghi lầm.

Thứ Bảy là 10 vô lượng trợ đạo của chư Bồ tát:

Theo Kinh Hoa Nghiêm, Phẩm 38, có mười vô lượng trợ đạo của chư Đại Bồ tát. Chư Bồ Tát an trụ trong pháp này thời được vô lượng trí tuệ của Như Lai.

Thứ nhất là như hư không giới vô lượng, Bồ tát tích tập trợ đạo cũng vô lượng.

Thứ nhì là như pháp giới vô biên, Bồ tát tích tập trợ đạo cũng vô biên.

Thứ ba là như chúng sinh giới vô tận.

Thứ tư là như thế giới vô tế.

Thứ năm là như kiếp số thuyết bất khả tận.

Thứ sáu là như pháp ngữ ngôn của chúng sinh vô lượng, Bồ tát trợ đạo xuất sinh trí tuệ biết pháp ngữ ngôn cũng vô lượng.

Thứ bảy là như thân Như Lai vô lượng, Bồ tát tích tập trợ đạo khắp tất cả chúng sinh, tất cả cõi, tất cả đời, tất cả kiếp cũng vô lượng.

Thứ tám là như âm thanh của Phật vô lượng, Bồ tát phát một âm thanh cùng khắp pháp giới tất cả chúng sinh, không ai chẳng nghe biết, trợ đạo đã tích tập cũng vô lượng.

Thứ chín là như Phật lực vô lượng, Bồ tát thừa Như Lai lực tích tập trợ đạo cũng vô lượng.

Thứ mười là như nhất thiết chủng trí vô lượng, Bồ tát tích tập trợ đạo cũng vô lượng như vậy.

Bồ tát Thừa

Tổng quan về Bồ tát Thừa: Từ ngữ Thừa hay "*cỗ xe*" được phát triển từ buổi đầu của Phật giáo Tiểu Thừa. Cỗ xe là phương tiện được môn đồ sử dụng để đi đến con đường đại giác. Theo Kinh Pháp Hoa, có ba cỗ xe đưa chúng sinh vượt thoát Ta Bà để qua bờ giác ngộ là Thanh Văn Thừa, Duyên Giác Thừa, và Bồ Tát Thừa. Chữ "*Thừa*" ở đây tiêu biểu cho phương tiện chuyên chở và đưa chúng sinh đến giác ngộ. Đây chỉ là những phương tiện mà Phật đặt ra để tùy căn cơ mà giáo hóa chúng sinh.

Trong Phật giáo, cũng có năm cỗ xe có thể đưa người tới quả vị Phật (giáo pháp của Phật từ cạn đến sâu chia ra năm trình độ, hành giả chỉ cần y theo mỗi giáo pháp thực hành, đều có thể đạt được thành quả tốt đẹp). Theo Đại Thừa: nhân thừa, thiên thừa, thanh văn thừa, duyên giác thừa, và Bồ tát thừa. Theo Tiểu Thừa: Phật, thanh văn, duyên giác, chư thiên cõi trời Phạm Thiên, và chúng sinh

trong cõi dục giới,Theo Tiểu Thừa: Phật, thanh văn, duyên giác, chư thiên cõi trời Phạm Thiên, và chúng sinh trong cõi dục giới. Theo Mật giáo: nhân (tương ứng với đất), thiên (tương ứng với nước), thanh văn (tương ứng với lửa), duyên giác (tương ứng với gió), và Bồ Tát (tương ứng với hư không). Bồ tát Thừa là một trong ngũ thừa dạy tu hành theo Lục độ Ba la mật để tự giác và giác tha (nhị lợi: tự lợi lợi tha). Mục đích chính là cứu độ chúng sinh và thành Phật quả. Vì mục đích của Bồ Tát thừa là đạt tới Phật tính tối thượng, nên Bồ Tát Thừa cũng còn được gọi là Phật Thừa hay Như Lai Thừa.

Tu Tập Lục Độ Ba La Mật Theo Bồ tát Thừa: Ba La Mật, theo Phạn ngữ, có nghĩa là đáo bỉ ngạn. Trong Kinh Lăng Già, đức Phật đưa ra ba loại Ba La Mật: Thế gian Ba La Mật, Xuất thế gian Ba La Mật, Xuất thế gian thượng thượng Ba La Mật.

Theo Phật giáo Nguyên Thủy, có Thập Độ Ba La Mật: bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ, trạch pháp, dũng mãnh, phương tiện, phát bồ đề tâm.

Tuy nhiên, trong Phật giáo Đại Thừa, lục độ Ba La Mật là Sáu Ba La Mật đưa chúng sinh qua biển sinh tử để đi đến Niết Bàn. Sáu giai đoạn hoàn thiện tinh thần của chư Bồ tát trong tiến trình thành Phật. Chẳng những Lục độ Ba La Mật là đặc trưng cho Phật giáo Đại Thừa trong nhiều phương diện, mà chúng còn gồm những cơ bản đạo đức chung cho tất cả các tôn giáo. Lục độ bao gồm sự thực tập và sự phát triển khả dĩ cao nhất. Vì vậy, thực hành sáu Ba La Mật sẽ giúp hành giả vượt bờ mê qua đến bến giác. Phật tử thuần thành luôn biết Lục Độ Ba La Mật là sáu pháp tu hành căn bản của một người con Phật, nhưng lại không nỗ lực thực hành. Gặp ai và ở đâu mình cũng nói pháp "*Lục Độ*", nhưng đến lúc gặp thử thách thì bố thí cũng không, trì giới cũng chẳng có, nhẫn nhục cũng tránh xa, tinh tấn đâu chẳng thấy chỉ thấy giải đãi, thiền định đâu không thấy chỉ thấy tán tâm loạn ý, kết quả là chúng ta không thể sử dụng được chân trí tuệ không trong hành xử hằng ngày.

Như vậy thì hình tướng tu hành có lợi ích gì? Có người chẳng những không chịu bố thí, mà còn kêu người khác phải bố thí cho mình càng nhiều càng tốt. Những người này luôn tìm cách đạt được tiện nghi, chứ không chịu thua thiệt. Chúng ta ai cũng biết trì giới là giữ gìn giới luật Phật, nhưng đến lúc gặp thử thách, chẳng những mình không giữ giới mà còn phá giới nữa là khác. Mặc dù ai trong chúng ta cũng đều biết rằng nhẫn nhục có thể giúp đưa chúng ta sang bờ bên kia, nhưng khi gặp chuyện thì chúng ta chẳng bao giờ nhẫn nhục được.

Ai cũng muốn tinh tấn, nhưng mà tinh tấn làm việc trần tục, chứ không phải tinh tấn tu hành. Ai cũng biết thực tập thiền định nhằm tập trung tư tưởng để phát sinh trí tuệ, nhưng chỉ biết nói mà không chịu làm. Vì những lý do này mà đức Phật nói pháp Ba La Mật. Bố thí tức là dùng tài sản vật chất hoặc Phật pháp để bố thí cho người khác, trì giới là tuân giữ giới luật Phật và thúc liễm thân tâm trong mọi hoàn cảnh, nhẫn nhục là thọ nhẫn những gì không như ý, tinh tấn là tinh tấn tu tập, thiền định là tập trung tư tưởng cho đến khi không còn một vọng tưởng nào, và trí tuệ là trí có khả năng đưa mình đến bờ bên kia và liễu sinh thoát tử.

Có sáu điều giúp cho một vị Bồ tát giữ tròn lục Ba La Mật:

Thứ nhất là cúng dường; cúng dường để thành tựu đàn độ.

Thứ nhì là hành trì giới luật. Học và hành trì giới giới luật đề thành tựu giới độ.

Thứ ba là Bi mẫn; bi mẫn để thành tựu nhẫn độ. Tư tưởng bi mẫn vì hạnh phúc của chúng sinh. Đức Phật hy sinh hạnh phúc riêng mình, cũng như để lại tam tạng kinh điển cho hậu thế tiếp tục phổ độ chúng sinh.

Thứ tư là tinh tấn hành trì thiện pháp; siêng năng làm điều thiện để thành tựu tiến độ.

Thứ năm là ở nơi cô liêu. Ở nơi cô liêu để thành tựu thiền độ.

Thứ sáu là Pháp lạc. Vui học Phật pháp để thành tựu trí độ. Lục độ Ba La Mật là sáu phương pháp tu tập để đạt đến giác ngộ của chư Bồ Tát. Ba La Mật, theo Phạn ngữ, có nghĩa là đáo bỉ ngạn. Sáu Ba La Mật đưa chúng sinh qua biển sinh tử để đi đến Niết bàn. Sáu giai đoạn hoàn thiện tinh thần của chư Bồ tát trong tiến trình thành Phật. Chẳng những Lục độ Ba La Mật là đặc trưng cho Phật giáo Đại Thừa trong nhiều phương diện, mà chúng còn gồm những cơ bản đạo đức chung cho tất cả các tôn giáo. Lục độ bao gồm sự thực tập và sự phát triển khả dĩ cao nhất. Vì vậy, thực hành sáu Ba La Mật sẽ giúp hành giả vượt bờ mê qua đến bến giác: bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định và trí tuệ.

Lợi lạc cho những ai thực hành Hạnh Ba La Mật: Theo Sớ Giải Kinh Tập, những ai thực hành hạnh Ba La Mật không sinh vào những trạng thái xấu kém sau đây: Họ không bao giờ sinh ra mà bị mù; họ không bao giờ sinh ra mà bị điếc; họ không bao giờ bị mất trí; họ không bao giờ bị chảy nước dãi; họ không bao giờ sinh ra làm người man dã; họ không bao giờ sinh ra làm nô lệ; họ không bao giờ sinh ra trong gia đình theo dị giáo. Cho dù họ có luân hồi sinh tử bao nhiêu lần, họ sẽ không bao giờ đổi giới tính; họ không bao giờ phạm năm trọng tội; họ

không bao giờ trở thành người cùi hủi; họ không bao giờ sinh ra làm súc sinh; họ không bao giờ sinh ra làm ngạ quỷ; họ không bao giờ sinh ra trong hàng a tu la; họ không bao giờ sinh vào địa ngục vô gián; họ không bao giờ sinh vào Biên Địa Địa Ngục (Biên Ngục); họ không bao giờ sinh ra làm ma Ba Tuần; họ không bao giờ sinh vào cảnh giới không có tình thức; họ không bao giờ sinh trong cõi vô nhiệt thiên; họ không bao giờ sinh ra trong cõi sắc giới; họ không bao giờ sinh ra trong tiểu thế giới.

Tóm lại, những ai thực hành Ba La Mật là thực hành Bồ tát Hạnh. Bồ tát Hạnh theo truyền thống Phật giáo Đại Thừa, một vị Bồ tát muốn thực hành Bồ tát Hạnh phải trước hết phát tâm Bồ Đề, đối với chúng hữu tình phải có đầy đủ tâm từ bi hỷ xả không ngằn mé. Ngoài ra, người ấy phải luôn thực hành hành nguyện độ tha với lục Ba La Mật. Cuối cùng vị ấy phải lấy Tứ Nhiếp Pháp trong công việc hoằng hóa của mình.

Bồ tát Tu Tập Sáu Ba La Mật: Như trên đã nói, Bồ tát, một chúng sinh giác ngộ, và nguyện chỉ đạt được đại giác một khi cứu độ hết thảy chúng sinh. Nếu muốn theo chân Bồ tát, hành giả cũng phải cố gắng tu tập theo một số pháp tu tiêu biểu của chư Bồ tát, đặc biệt là tu tập sáu pháp Ba La Mật. Như những giải thích chi tiết trong các chương trước, Ba La Mật, theo Phạn ngữ, có nghĩa là sự tích lũy năng lực của một cái tâm trong sạch. Mỗi khi tâm chúng ta không bị ảnh hưởng bởi tham, sân, si, nó sẽ có năng lực làm cho dòng tâm thức trở nên tinh khiết.

Trên bước đường tu tập, nhất là tu thiền, chúng ta rất cần một chuỗi liên tục của dòng tâm thức tinh khiết để có thể vượt qua khỏi cảnh giới ta bà này. Đối với hành giả tu Phật, khi những yếu tố vô tham, vô sân và vô si được tích lũy đầy đủ, dòng tâm thức trở nên tinh khiết và trở thành sức mạnh sinh ra những quả hạnh phúc đủ loại, kể cả quả vị an lạc giải thoát cao tột nhất.

Lục độ Ba La Mật là sáu giáo pháp đưa người vượt qua biển sinh tử. Ngoài ra, Lục Độ Ba La Mật còn có mục tiêu cứu độ hết thảy chúng sinh. Lục độ Ba La Mật hay sáu đức tính cốt yếu của Bồ tát. Sáu Ba La Mật đưa chúng sinh qua biển sinh tử để đi đến Niết Bàn. Sáu giai đoạn hoàn thiện tinh thần của chư Bồ tát trong tiến trình thành Phật. Chẳng những Lục độ Ba La Mật là đặc trưng cho Phật giáo Đại Thừa trong nhiều phương diện, mà chúng còn gồm những cơ bản đạo đức chung cho tất cả các tôn giáo. Lục độ bao gồm sự thực tập và sự phát triển khả dĩ cao nhất. Vì vậy, thực hành sáu Ba La Mật sẽ giúp hành giả vượt bờ mê qua đến bến giác. Tu tập "*Ba La Mật*" thông dụng cho cả Phật giáo Đại Thừa lẫn Nguyên Thủy.

Tuy nhiên, trong khi trong Phật giáo Nguyên Thủy, hành giả tu tập mười Ba La Mật, thì trong Phật giáo Đại Thừa, hành giả tu tập sáu Ba La Mật.

Thứ Nhất Là Tu Tập Bố Thí: Bố thí là cho vì ích lợi và hạnh phúc của tất cả chúng sinh bất cứ thứ gì và tất cả những gì ta có thể cho được: không những chỉ của cải vật chất, mà cả kiến thức , thế tục cũng như tôn giáo hay tâm linh. Chư Bồ Tát đều sẵn sàng bố thí ngay cả sinh mạng mình để cứu kẻ khác. Bố thí tài sản vật chất, nghĩa là cho người tiền bạc hay vật chất. Trên đời này, không ai là không thể thực hiện một hình thức bố thí nào đó. Dù cho một người bần cùng đến đâu, người ấy cũng có thể bố thí cho những người còn tệ hơn mình hay có thể giúp vào việc công ích bằng sự bố thí dù nhỏ nhặt, nếu người ấy muốn. Ngay cả một người hoàn toàn không thể làm được như thế, người ấy cũng có thể có ích cho người khác và cho xã hội bằng cách phục vụ.

Bố thí Pháp, nghĩa là dạy dỗ người khác một cách đúng đắn. Một người có kiến thức hay trí tuệ về một lĩnh vực nào đó, hẳn cũng có thể dạy người khác hay dẫn dắt họ ngay cả khi họ không có tiền hay bị trở ngại về thể chất. Dù cho một người có hoàn cảnh hạn hẹp cũng có thể thực hiện bố thí pháp. Nói lên kinh nghiệm của riêng mình làm lợi cho người khác cũng là bố thí pháp.

Bố thí vô úy nghĩa là gỡ bỏ những ưu tư hay khổ đau của người khác bằng nỗ lực của chính mình. An ủi ai vượt qua lúc khó khăn cũng được xem như là *"vô úy thí."* Đây không chỉ có nghĩa là cho đi thứ gì mà người ta có thừa; nó còn bao gồm cả việc thí xả thân mệnh mình cho chính nghĩa. Đàn na bao gồm tài thí, pháp thí và vô úy thí.

Bố thí Ba la Mật được dùng để diệt trừ xan tham, bỏn xẻn.

Thứ Nhì Là Tu Tập Trì Giới: Trì giới dạy chúng ta rằng chúng ta không thể cứu độ người khác nếu chúng ta không tự mình tháo gỡ những nhiễm trược của chúng ta bằng cách sống theo phạm hạnh và chính trực. Tuy nhiên, cũng đừng nên nghĩ rằng chúng ta không thể dẫn dắt người khác vì chúng ta chưa được hoàn hảo. Trì giới còn là tấm gương tốt cho người khác noi theo nữa, đây là một hình thức giúp đỡ người khác. Trì giới hạnh thanh tịnh nghĩa là thực hành tất cả các giới răn của đạo Phật, hay tất cả những thiện hạnh dẫn tới chỗ toàn thiện đạo đức cho mình và cho tất cả mọi người. Trì giữ giới hạnh thanh tịnh. Trì giới Ba La Mật được dùng để diệt trừ phạm giới và hủy báng Phật Pháp.

Giới luật còn có một ý nghĩa sâu xa hơn thế nữa đối với người tu thiền vì giới luật giải thoát tâm chúng ta ra khỏi mọi hối hận và lo âu. Hành giả nên luôn nhớ rằng mặc cảm tội lỗi về những chuyện trong quá khứ không mang lại lợi ích gì; chúng chỉ làm cho tâm chúng ta thêm lo buồn mà thôi. Hành giả phải cố gắng

tạo dựng cho mình một căn bản trong sạch cho hành động trong giây phút hiện tại vì nó có thể giúp làm cho tâm mình an tĩnh và nhất tâm một cách dễ dàng hơn. Chính vì vậy mà nền tảng giới luật trở thành một căn bản vô cùng cần thiết cho việc phát triển tâm linh của hành giả.

Thứ Ba Là Tu Tập Nhẫn Nhục: Nhẫn nhục là một trong những phẩm chất quan trọng nhất trong xã hội hôm nay. Đức Thích Ca Mâu Ni Phật có tất cả những đức hạnh và thành Phật do sự kiên trì tu tập của Ngài. Tiểu sử của Ngài mà ta đọc được bất cứ ở đâu hay trong kinh điển, chưa có chỗ nào ghi rằng Đức Phật đã từng giận dữ. Dù Ngài bị ngược đãi nặng nề hay dù các đệ tử Ngài nhẫn tâm chống Ngài và bỏ đi, Ngài vẫn luôn luôn có thái độ cảm thông và từ bi. Là đệ tử của Ngài, chúng ta phải nên luôn nhớ rằng: "*Không có hành động nào làm cho Đức Phật thất vọng hơn là khi chúng ta trở nên giận dữ về điều gì và trách mắng hay đổ thừa cho người khác vì sự sai lầm của chính chúng ta.*"

Tóm lại, một khi chúng ta kiên nhẫn theo sự tu tập của Bồ Tát, chúng ta không còn trở nên giận dữ hay trách mắng kẻ khác hay đối với mọi sự mọi vật trong vũ trụ. Chúng ta có thể than phiền về thời tiết khi trời mưa trời nắng và cằn nhằn về bụi bặm khi chúng ta gặp buổi đẹp trời. Tuy nhiên, nhờ nhẫn nhục, chúng ta sẽ có được một tâm trí bình lặng thanh thản, lúc đó chúng ta sẽ biết ơn cả mưa lẫn nắng. Rồi thì lòng chúng ta sẽ trở nên tự tại với mọi thay đổi trong mọi hoàn cảnh của chúng ta. "*Nhẫn nhục*," thường được hiểu là chịu đựng những việc sỉ nhục một cách nhẫn nại, hay đúng hơn là chịu đựng với lòng bình thản. Hay như Đức Khổng Tử nói: "*Người quân tử không buồn khi công việc hay tài năng của mình không được người khác biết đến*."

Không người Phật tử nào lại cảm thấy tổn thương khi mình không được tán dương đầy đủ; không, ngay cả khi họ bị bỏ lơ một cách bất công. Họ cũng tiếp tục một cách nhẫn nại trong mọi nghịch cảnh. Nhẫn nhục đôi khi cũng được gọi là nhẫn nại, nhưng nhẫn nhục thì đúng nghĩa hơn. Vì rằng nó không chỉ là sự kiên nhẫn chịu những bệnh hoạn của xác thịt, mà nó là cảm giác về sự vô nghĩa, vô giới hạn, và xấu ác. Nói cách khác, nhẫn nhục là nín chịu mọi sự mắng nhục của các loài hữu tình, cũng như những nóng lạnh của thời tiết. Nhẫn nhục Ba la mật được dùng để diệt trừ nóng giận và sân hận.

Thứ Tư Là Tu Tập Tinh Tấn: Tinh tấn có nghĩa là tiến thẳng lên một mục tiêu quan trọng mà không bị xao lãng vì những việc nhỏ nhặt. Chúng ta không thể bảo rằng chúng ta tinh tấn khi ý tưởng và cách hành xử của chúng ta không thanh sạch, dù cho chúng ta có nỗ lực tu tập giáo lý của đức Phật. Ngay cả khi chúng ta nỗ lực tu tập, đôi khi chúng ta vẫn không đạt được kết quả tốt, mà ngược lại còn có thể lĩnh lấy hậu quả xấu, trở ngại trong việc tu hành do bởi

người khác; đó chỉ là những bóng ma, sẽ biến mất đi khi gió lặng. Do đó, một khi chúng ta đã quyết định tu Bồ tát đạo, chúng ta cần phải giữ vững lòng kiên quyết tiến đến ý hướng của chúng ta mà không đi lệnh. Đó gọi là "*tinh tấn*."

Tinh tấn là kiên trì thể hiện động lực chí thiện. Đời sống của các vị tu theo Phật giáo Đại Thừa là một cuộc đời hăng say tột bực, không chỉ trong đời sống hiện tại mà cả trong đời sống tương lai và những cuộc đời kế tiếp không bao giờ cùng tận. Tinh tấn còn có nghĩa là luôn khích lệ thân tâm tiến tu năm Ba La Mật còn lại. Tinh tấn Ba la mật được dùng để diệt trừ các sự giải đãi.

Thứ Năm Là Tu Tập Thiền Định: "*Thiền định,*" tiếng Phạn là "*Dhyana*" và tiếng Nhật là "*Zenjo*." Zen có nghĩa là *"cái tâm tĩnh lặng"* hay "*tinh thần bất khuất*," và Jo là trạng thái có được cái tâm tĩnh lặng, không dao động. Điều quan trọng là không những chúng ta phải nỗ lực thực hành giáo lý của đức Phật, mà chúng ta còn phải nhìn hết sự vật bằng cái tâm tĩnh lặng và suy nghĩ về sự vật bằng cái nhìn *"như thị"* (nghĩa là đúng như nó là). Được vậy chúng ta mới có thể thấy được khía cạnh chân thực của vạn hữu và tìm ra cách đúng đắn để đối phó với chúng.

Từ "*Thiền Định*" là giữ trạng thái tâm bình lặng của mình trong bất cứ hoàn cảnh nào, nghịch cũng như thuận, và không hề bị xao động hay lúng túng ngay cả khi nghịch cảnh đến tới tấp. Điều này đòi hỏi rất nhiều công phu tu tập. Thiền định có nghĩa là tư duy, nhưng không theo nghĩa tư duy về một phương diện đạo đức hay một cách ngôn triết học; nó là việc tu tập tĩnh tâm. Nói khác đi, thiền định là luôn tu theo pháp tư duy để đình chỉ sự tán loạn trong tâm. Thiền định Ba la mật được dùng để diệt trừ sự tán loạn và hôn trầm.

Thứ Sáu Là Tu Tập Trí Tuệ: Trí tuệ là cách nhìn đúng về sự vật và năng lực nhận định các khía cạnh chân thân thật của vạn hữu. Trí tuệ là khả năng nhận biết những dị biệt giữa các sự vật, đồng thời thấy cái chân lý chung cho các sự vật ấy. Tóm lại, trí tuệ là cái khả năng nhận ra rằng bất cứ ai cũng có thể trở thành một vị Phật. Giáo lý của đức Phật nhấn mạnh rằng chúng ta không thể nhận thức tất cả các sự vật trên đời một cách đúng đắn nếu chúng ta không có khả năng trọn vẹn hiểu biết sự dị biệt lẫn sự tương đồng. Chúng ta không thể cứu người khác nếu chúng ta không có trí tuệ, vì dù cho chúng ta muốn làm tốt cho kẻ khác để cứu giúp họ, nhưng không có đủ trí tuệ để biết nên làm như thế nào, cái gì nên làm và cái gì không nên làm, chúng ta có thể làm hại người khác chứ không làm được lợi ích gì cho họ.

Không có chữ Anh nào tương đương với từ "*Prajna*" trong Phạn ngữ. Thật ra, không có ngôn ngữ Âu châu nào tương đương với nó, vì người Âu không có kinh nghiệm nào đặc biệt tương đương với chữ "*prajna*." Prajna là cái kinh nghiệm

một người có được khi người ấy cảm thấy cái toàn thể tính vô hạn của sự vật trong ý nghĩa căn bản nhất của nó, nghĩa là, nói theo tâm lý học, khi cái bản ngã hữu hạn đập vỡ cái vỏ cứng của nó, tìm đến với cái vô hạn bao trùm tất cả những cái hữu hạn do đó vô thường. Chúng ta có thể xem kinh nghiệm này giống với một trực giác toàn thể về một cái gì vượt qua tất cả những kinh nghiệm đặc thù riêng lẻ của chúng ta.

Trong Phật giáo, Bát Nhã là trí tuệ siêu việt, yếu tố giác ngộ. Nó là trực giác thông đạt mọi pháp để chứng đạt chân lý, hay để nhìn vào chân lý cứu cánh của vạn hữu, nhờ đó mà người ta thoát ra ngoài triền phược của hiện hữu và trở thành tự chủ lấy mình. Bát Nhã hay Trí huệ Ba la mật được dùng để diệt trừ sự hôn ám ngu si. Nói tóm lại, trí tuệ là điểm cao tột nhất đối với hành giả tu Phật. Tuy nhiên, nó phải được bắt đầu bằng sự thực hành bố thí, trì giới và phát triển định lực. Từ căn bản trong sạch ấy, hành giả mới có khả năng phát sinh ra một trí tuệ có khả năng soi thấu được thực chất của thân và tâm. Bằng cách giữ chính niệm hoàn toàn trong hiện tại, những gì huân tập trong tâm mình từ bấy lâu nay sẽ bắt đầu hiển lộ. Mọi tư tưởng, mọi tà ý, tham dục, luyến ái,... trong tâm sẽ được mang lên bình diện nhận thức. Và bằng sự thực hành chính niệm, không dính mắc, không ghét bỏ, không nhận bất cứ đối tượng nào làm mình, tâm mình sẽ trở nên thư thái và tự tại.

- **Lục Độ Ba La Mật Là Sáu Giai Đoạn Hoàn Thiện Tu Tập Của Bồ Tát:** Ba La Mật có nghĩa là sự toàn hảo hay đáo bỉ ngạn (đạt tới bên kia bờ. Ở bên kia bến bờ của thế giới nhị nguyên hay thế giới của sự phân biệt và chấp trước). Ba La Mật, theo Phạn ngữ, có nghĩa là đáo bỉ ngạn. Ba La Mật có công năng đưa chúng sinh qua biển sinh tử để đi đến Niết bàn. Ba La Mật là những giai đoạn hoàn thiện tinh thần của chư Bồ tát trong tiến trình thành Phật. Chẳng những Ba La Mật là đặc trưng cho Phật giáo Đại Thừa trong nhiều phương diện, mà chúng còn gồm những cơ bản đạo đức chung cho tất cả các tôn giáo.
-
- Ba La Mật bao gồm sự thực tập và sự phát triển khả dĩ cao nhất. Vì vậy, thực hành Ba La Mật sẽ giúp hành giả vượt bờ mê qua đến bến giác. Ba La Mật là những đức tính được Bồ tát thực hiện trong đời tu hành của mình. Thuật ngữ "*Paramita*" đã được nhiều học giả diễn dịch khác nhau. Theo T.R. David và William Stede, "*Paramita*" có nghĩa là "*hoàn hảo*," "*hoàn thiện*," hay "*tối thượng*." H.C. Warren dịch là sự toàn thiện. Và vài học giả Phật giáo khác lại dịch là đức hạnh siêu việt, hay đức hạnh hoàn hảo. Tiếng Phạn "*Paramita*" được chuyển dịch sang Hán ngữ là Ba-la-mật. "*Ba la*" có nghĩa trái thơm, còn "*mật*" có nghĩa là ngọt.
-

- Trong Phật giáo, tiếng Phạn "*Paramita*" (dịch cũ là Độ Vô Cực, dịch mới là Đáo Bỉ Ngạn) nghĩa là đến bờ bên kia, đưa qua bờ bên kia, hay cứu độ không có giới hạn. Đáo bỉ ngạn (đạt tới bên kia bờ. Ở bên kia bến bờ của thế giới nhị nguyên hay thế giới của sự phân biệt và chấp trước) cũng có nghĩa là sự toàn hảo hay hoàn thành những thứ cần hoàn thành.
-
- Ba La Mật cũng có nghĩa là thành tựu, hoàn tất, hay làm xong một cách hoàn toàn cái mà chúng ta cần làm. Thí dụ như nếu chúng ta quyết chí tu hành để làm Phật thì việc đạt được Phật quả chính là "*Đáo được bỉ ngạn*." Đây cũng là những (sáu hay mười) đức tính được Bồ tát thực hiện trong đời tu hành của mình. Từ "*Ba La Mật*" thông dụng cho cả Phật giáo Đại Thừa lẫn Nguyên Thủy. Ba La Mật, theo Phạn ngữ, có nghĩa là đáo bỉ ngạn. Có sáu Ba La Mật đưa chúng sinh qua biển sinh tử để đi đến Niết Bàn. Sáu giai đoạn hoàn thiện tinh thần của chư Bồ tát trong tiến trình thành Phật. Chẳng những Lục độ Ba La Mật là đặc trưng cho Phật Giáo Đại Thừa trong nhiều phương diện, mà chúng còn gồm những cơ bản đạo đức chung cho tất cả các tôn giáo. Lục độ bao gồm sự thực tập và sự phát triển khả dĩ cao nhất. Vì vậy, thực hành sáu Ba La Mật sẽ giúp hành giả vượt bờ mê qua đến bến giác.
-
- Trong Kinh Lăng Già, đức Phật đưa ra ba loại Ba La Mật: Xuất thế gian thượng thượng Ba La Mật, Xuất thế gian Ba La Mật, Thế gian Ba La Mật. Tuy nhiên, theo kinh Hoa Nghiêm thì chỉ có một Ba La Mật, đó là Giải Thoát Bát Nhã Ba La Mật.
-
- Sau khi giác ngộ, đức Phật khám phá ra rằng mọi kiếp sống của tất cả chúng sinh đều có tương quan tương duyên với nhau, và Ngài cũng thấy thế gian này ngập tràn những khổ đau phiền não. Chúng sinh mọi loài, từ côn trùng nhỏ bé đến vua quan uy quyền tột đỉnh đều chạy theo thú vui dục lạc, và cuối cùng phải gặt lấy những khổ đau phiền não. Chính vì thương xót chúng sinh mọi loài mà Ngài đã xuất gia tu hành và tìm ra phương cách cứu độ chúng sinh. Sau sáu năm tu hành khổ hạnh, Ngài đã tìm ra những phương cách "*Đáo Bỉ Ngạn*," còn gọi là "*Ba La Mật Đa*." Theo đạo Phật, đáo bỉ ngạn hay vượt qua bờ sinh tử bên này để đến bờ bên kia, hay đạt đến cứu cánh Niết Bàn. Nếu chúng ta dụng công tu hành và nhìn thấy rõ ràng chân lý như Ngài đã nhìn thấy thì cuối cùng chắc chắn chúng ta sẽ chấm dứt hết mọi khổ đau phiền não.
-
- Theo các kinh điển Đại Thừa, sáu giáo pháp đưa người vượt qua biển sinh tử. Ngoài ra, Lục Độ Ba La Mật còn có mục tiêu cứu độ hết thảy chúng sinh.

Lục độ Ba La Mật còn là sáu đức tính cốt yếu của Bồ tát. Ngoài ra, Lục Độ còn là pháp môn Bồ tát tu hành. Bố thí được dùng để độ tính bỏn xẻn và tham lam. Trì giới được dùng để độ việc hủy phạm. Nhẫn nhục thì độ sân hận và thù ghét. Tinh tấn được dùng để độ giải đãi, lười biếng. Thiền định được dùng để độ tâm tán loạn; trí tuệ được dùng để độ ngu si. Khi lục độ được tu tập viên mãn thì hành giả khai ngộ.

(còn tiếp)

Tác giả: **Thiện Phúc**

Nguồn: thuvienhoasen.org